

Số: 251/QĐ-ĐKKVCP

Cẩm Phả, ngày 19 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai tình hình quản lý, xử lý, sử dụng và mua sắm tài sản công
năm 2024 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Cẩm Phả

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC CẨM PHẢ

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công ;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 2020/QĐ-UBND ngày 21/7/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Đa khoa khu vực Cẩm Phả;

Theo đề nghị Trưởng phòng Tài chính kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai tình hình quản lý, xử lý, sử dụng và mua sắm tài sản công năm 2024 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Cẩm Phả. (Theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thực hiện kể từ ngày ký.

Các Ông (bà) trưởng khoa/phòng, bộ phận căn cứ Quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2
- Lưu: VT, TCKT



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Thanh

Sở Y tế Quảng Ninh

Tên đơn vị: Bệnh viện đa khoa khu vực Cẩm Phả

Loại hình đơn vị: Sự nghiệp công lập

Mã đơn vị: 1017341

Phụ biểu 06

Mẫu số 09a-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG NĂM 2024

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua	Việc sử dụng các		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Đầu tư xây dựng, mua sắm												
2	Xe ô tô	Chiếc	1	Ford	Trung Quốc	2024	968.000	Đầu thầu	Liên danh Việt Hàn Thành Công Thanh Hóa	0	0	0	
3	Tài sản cố định khác												
1	Bơm tiêm điện	Cái	1	BeneFusion SP1	Trung Quốc	2024	21.000	Chỉ định thầu	Công ty cổ phần thiết bị và dịch vụ y tế Việt Nam	0	0	0	
2	Bơm tiêm điện	Cái	1	BeneFusion SP1	Trung Quốc	2024	21.000	Chỉ định thầu	Công ty cổ phần thiết bị và dịch vụ y tế Việt Nam	0	0	0	
3	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số	Cái	1	uMec12	Trung Quốc	2024	48.600	Chỉ định thầu	Công ty cổ phần thiết bị và dịch vụ y tế Việt Nam	0	0	0	
4	Bơm tiêm điện	Cái	1	BeneFusion SP1	Trung Quốc	2024	21.000	Chỉ định thầu	Công ty cổ phần thiết bị và dịch vụ y tế Việt Nam	0	0	0	
5	Bơm tiêm điện	Cái	1	BeneFusion SP1	Trung Quốc	2024	21.000	Chỉ định thầu	Công ty cổ phần thiết bị và dịch vụ y tế Việt Nam	0	0	0	
6	Hệ thống nội soi tiêu hóa dạ dày - đại tràng (máy tính, máy in đi kèm)	HT	1	CV-190; CLV-190; GIF-HQ190; CF-H190I	Nhật Bản	2024	4.585.000	Đầu thầu	Công ty TNHH sản xuất và thương mại Trần Lê	0	0	0	
7	Máy đo độ loãng xương toàn thân (máy tính, máy in đi kèm)	Máy	1	PRIMUS	Hàn Quốc	2024	1.595.000	Đầu thầu	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ AN PHÚC	0	0	0	
8	Máy siêu âm tổng quát 4 đầu dò (Đầu dò: convex, linear, âm đạo, đầu dò khối) (máy tính, máy in đi kèm)	Máy	1	Nuewa I9 Exp	Trung Quốc	2024	1.518.000	Đầu thầu	Công ty cổ phần thiết bị và dịch vụ y tế Việt Nam	0	0	0	
9	Xe nâng hạ	Cái	1	X1-0300	Việt Nam	2024	11.550	Chỉ định thầu	Công ty TNHH trang thiết bị y tế Anh Phát HT	0	0	0	
10	Xe nâng hạ	Cái	1	X1-0300	Việt Nam	2024	11.550	Chỉ định thầu	Công ty TNHH trang thiết bị y tế Anh Phát HT	0	0	0	
11	Xe nâng hạ	Cái	1	X1-0300	Việt Nam	2024	11.550	Chỉ định thầu	Công ty TNHH trang thiết bị y tế Anh Phát HT	0	0	0	
12	Xe nâng hạ	Cái	1	X1-0300	Việt Nam	2024	11.550	Chỉ định thầu	Công ty TNHH trang thiết bị y tế Anh Phát HT	0	0	0	
13	Máy tán sỏi laser	HT	1	MULTIPULSE HOPLUS	Đức	2024	5.222.000	Đầu thầu	Công ty TNHH Meditex Việt Nam	0	0	0	
14	Máy siêu âm tổng quát 4 đầu dò (Đầu dò: convex, linear, âm đạo, tim) (máy tính, máy in đi kèm)	Máy	1	Arietta 750VE	Nhật Bản	2024	2.855.000	Đầu thầu	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển y tế Việt Nhật	0	0	0	
15	Tủ mát Sanaky 1400 L (Tủ bảo quản)	cái	1	VH-1520HP	Việt Nam	2024	38.940	Chỉ định thầu	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ OANH SƠN	0	0	0	
16	Tủ mát Sanaky 900 L (Tủ bảo quản)	cái	1	VH-1009HP	Việt Nam	2024	27.390	Chỉ định thầu	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ OANH SƠN	0	0	0	
17	Máy thận nhân tạo	cái	1	Surdial 55 plus	Nhật Bản	2024	371.500	Đầu thầu	Công ty TNHH Gendis	0	0	0	
18	Máy thận nhân tạo	cái	1	Surdial 55 plus	Nhật Bản	2024	371.500	Đầu thầu	Công ty TNHH Gendis	0	0	0	
19	Máy thận nhân tạo	cái	1	Surdial 55 plus	Nhật Bản	2024	371.500	Đầu thầu	Công ty TNHH Gendis	0	0	0	

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua	Việc sử dụng các		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
20	Máy thận nhân tạo	cái	1	Surdial 55 plus	Nhật Bản	2024	371.500	Đấu thầu	Công ty TNHH Gendis	0	0	0	
2	Máy thận nhân tạo	cái	1	Surdial 55 plus	Nhật Bản	2024	371.500	Đấu thầu	Công ty TNHH Gendis	0	0	0	
3	Máy điện xung điện phân	Cái	1	Multitronic MT-6	Ba Lan	2024	76.500	Chỉ định thầu	Công ty cổ phần khoa học công nghệ Sơn Phát	0	0	0	
4	Máy ly tâm	Cái	1	Rotofix 32A	Đức	2024	88.500	Chỉ định thầu	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ kỹ thuật Tài Lộc	0	0	0	
5	Kính hiển vi hai mắt	Cái	1	CX23	Nhật Bản	2024	41.000	Chỉ định thầu	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KHOA HỌC KỸ THUẬT ĐỨC MINH	0	0	0	
6	Tủ bảo quản mẫu	Cái	1	HXC-358	Trung Quốc	2024	85.000	Chỉ định thầu	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ kỹ thuật Tài Lộc	0	0	0	
7	Bộ đặt nội khí quản có camera	Cái	1	Tdlite Blade	Việt Nam	2024	30.000	Chỉ định thầu	Công ty TNHH thương mại dịch vụ kỹ thuật Tuệ Lâm	0	0	0	
8	Máy điện tim	Cái	1	ECG-3250	Nhật Bản	2024	96.500	Chỉ định thầu	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT THÁI BÌNH DƯƠNG	0	0	0	
9	Máy phát điện	Cái	1			2024	34.020	Chỉ định thầu	Công ty TNHH vật tư Cường Nga	0	0	0	
10	Bộ máy tính để bàn lắp ráp ASEAN	Bộ	1		Trung Quốc	2024	13.640	Chỉ định thầu	Công ty TNHH MTV Đức Dương	0	0	0	
11	Bộ máy tính để bàn lắp ráp ASEAN	Bộ	1		Trung Quốc	2024	13.640	Chỉ định thầu	Công ty TNHH MTV Đức Dương	0	0	0	
12	Bộ máy tính để bàn lắp ráp	Bộ	1		Trung Quốc	2024	13.750	Chỉ định thầu	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển công nghệ Tân Việt QN	0	0	0	
13	Bộ máy tính để bàn lắp ráp	Bộ	1		Trung Quốc	2024	13.750	Chỉ định thầu	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển công nghệ Tân Việt QN	0	0	0	
14	Bộ máy tính để bàn lắp ráp ASEAN	Bộ	1		Trung Quốc	2024	13.800	Chỉ định thầu	Công ty TNHH MTV Đức Dương	0	0	0	
15	Bộ máy tính để bàn lắp ráp ASEAN	Bộ	1		Trung Quốc	2024	13.800	Chỉ định thầu	Công ty TNHH MTV Đức Dương	0	0	0	
16	Bộ máy tính để bàn lắp ráp	Bộ	1		Trung Quốc	2024	13.750	Chỉ định thầu	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển công nghệ Tân Việt QN	0	0	0	
17	Bộ máy tính để bàn lắp ráp	Bộ	1		Trung Quốc	2024	13.750	Chỉ định thầu	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển công nghệ Tân Việt QN	0	0	0	
18	Máy tính để bàn	Bộ	48	TQT	Việt Nam	2024	583.920	Đấu thầu	Công ty TNHH dịch vụ thương mại và công nghệ Tân Đại Dương	0	0	0	
19	Máy tính xách tay	Bộ	26	Acer	Trung Quốc	2024	389.480	Đấu thầu	Công ty TNHH dịch vụ thương mại và công nghệ Tân Đại Dương	0	0	0	
20	Điều hòa treo tường 1 chiều 12000BTU	Bộ	1	AMORE12CN	Trung Quốc	2024	12.007	Chỉ định thầu	Công ty TNHH 1TV đầu tư và thương mại Thành Dung	0	0	0	
21	Điều hòa treo tường 1 chiều 12000BTU	Bộ	1	AMORE12CN	Trung Quốc	2024	11.624	Chỉ định thầu	Công ty TNHH 1TV đầu tư và thương mại Thành Dung	0	0	0	
22	Điều hòa treo tường 1 chiều 18000BTU	Bộ	1	AMORE18CN	Trung Quốc	2024	15.504	Chỉ định thầu	Công ty TNHH 1TV đầu tư và thương mại Thành Dung	0	0	0	
23	Điều hòa treo tường 2 chiều 12000BTU	Bộ	1	GWH12KC	Trung Quốc	2024	13.569	Chỉ định thầu	Công ty TNHH 1TV đầu tư và thương mại Thành Dung	0	0	0	
24	Điều hòa treo tường 2 chiều 12000BTU	Bộ	1	AMORE12HN	Trung Quốc	2024	14.414	Chỉ định thầu	Công ty TNHH 1TV đầu tư và thương mại Thành Dung	0	0	0	
25	Điều hòa treo tường 1 chiều 12000BTU	Bộ	1	AMORE12CN	Trung Quốc	2024	12.318	Chỉ định thầu	Công ty TNHH 1TV đầu tư và thương mại Thành Dung	0	0	0	
26	Điều hòa treo tường 1 chiều 12000BTU	Bộ	1	AMORE12CN	Trung Quốc	2024	11.103	Chỉ định thầu	Công ty TNHH 1TV đầu tư và thương mại Thành Dung	0	0	0	

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua	Việc sử dụng các		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
10	Điều hòa treo tường 1 chiều 18000BTU	Bộ	1	AMORE18CN	Trung Quốc	2024	17.676	Chỉ định thầu	Công ty TNHH 1TV đầu tư và thương mại Thành Dung	0	0	0	
11	Điều hòa treo tường 1 chiều 18000BTU	Bộ	1	AMORE18CN	Trung Quốc	2024	16.716	Chỉ định thầu	Công ty TNHH 1TV đầu tư và thương mại Thành Dung	0	0	0	
12	Điều hòa treo tường 1 chiều 18000BTU	Bộ	1	AMORE18CN	Trung Quốc	2024	16.716	Chỉ định thầu	Công ty TNHH 1TV đầu tư và thương mại Thành Dung	0	0	0	
13	Điều hòa treo tường 1 chiều 18000BTU	Bộ	1	AMORE18CN	Trung Quốc	2024	15.668	Chỉ định thầu	Công ty TNHH 1TV đầu tư và thương mại Thành Dung	0	0	0	
14	Điều hòa treo tường 1 chiều 18000BTU	Bộ	1	AMORE18CN	Trung Quốc	2024	18.464	Chỉ định thầu	Công ty TNHH 1TV đầu tư và thương mại Thành Dung	0	0	0	
15	Điều hòa treo tường 1 chiều 18000BTU	Bộ	1	AMORE18CN	Trung Quốc	2024	16.695	Chỉ định thầu	Công ty TNHH 1TV đầu tư và thương mại Thành Dung	0	0	0	
16	Điều hòa treo tường 1 chiều 12000BTU	Bộ	1	AMORE12CN	Trung Quốc	2024	10.709	Chỉ định thầu	Công ty TNHH 1TV đầu tư và thương mại Thành Dung	0	0	0	
17	Điều hòa treo tường 1 chiều 12000BTU	Bộ	1	AMORE12CN	Trung Quốc	2024	11.873	Chỉ định thầu	Công ty TNHH 1TV đầu tư và thương mại Thành Dung	0	0	0	
18	Điều hòa treo tường 1 chiều 12000BTU	Bộ	1	AMORE12CN	Trung Quốc	2024	10.938	Chỉ định thầu	Công ty TNHH 1TV đầu tư và thương mại Thành Dung	0	0	0	
19	Điều hòa treo tường 1 chiều 18000BTU	Bộ	1	AMORE18CN	Trung Quốc	2024	16.090	Chỉ định thầu	Công ty TNHH 1TV đầu tư và thương mại Thành Dung	0	0	0	
20	Quầy tiếp đón bệnh nhân khoa Khám bệnh	Bộ	1		Việt Nam	2024	85.007	Chỉ định thầu	Công ty TNHH xây dựng và thương mại Bình Minh ĐT	0	0	0	
21	Máy tính chủ Dell	Cái	1	Dell R750xs	Malaysia	2024	97.900	Chỉ định thầu	Công ty TNHH pt công nghệ Văn Phương	0	0	0	
22	Màn hình LED hội trường B	cái	1		Trung Quốc	2024	89.040	Chỉ định thầu	Công ty TNHH Sản xuất và thương mại LOTEK Việt Nam	0	0	0	
23	Màn hình LED khu C	cái	1		Trung Quốc	2024	96.572	Chỉ định thầu	Công ty TNHH Sản xuất và thương mại LOTEK Việt Nam	0	0	0	
24	Điều hòa treo tường 1 chiều 18000BTU	Bộ	1	AMORE18CN	Trung Quốc	2024	16.417	Chỉ định thầu	Công ty TNHH 1TV đầu tư và thương mại Thành Dung	0	0	0	
24	Hệ thống nước nóng dùng năng lượng mặt trời	Bộ	1		Việt Nam	2024	98.356	Chỉ định thầu	Công ty TNHH điện lạnh Hạ Long	0	0	0	
II	Tài sản giao mới												
IV	Tài sản từ nguồn viện trợ, quà biếu, tặng cho (nếu có)												



Nguyễn Đức Thanh

Sở Y tế Quảng Ninh
Tên đơn vị: Bệnh viện đa khoa khu vực Cẩm Phả
Loại hình đơn vị: Sự nghiệp công lập
Mã đơn vị: 1017341

Phụ biểu 07
Mẫu số 09b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP
NĂM 2024

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú
		Diện tích (m ²)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m ²)					Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m ²)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m ²))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp						Sử dụng khác	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1	Tổ 1, khu 3, Cẩm Thịnh, Cẩm Phả, Quảng Ninh	28.247,70	76.268.790		28.247,70					1983	495	609.422	-		495						
										2007	800	3.425.663	959.186		800						
										2006	120	120.160	-		120						
										2006	300	238.767	-		300						
										2013	15	120.148	24.390		15						
										2016	1.540				1540						
										2016	427	114.667.234	73.387.030		427						
										2016	486				486						
										2009	498	-			498						
										2010	1.562				1562						
	Tổng cộng:	28.247,7	76.268.790		28.247,7						6.679	151.033.149	89.303.196								

Cẩm Phả, ngày 19 tháng 03 năm 2025
GIAM ĐỐC
BỆNH VIỆN
ĐA KHOA KHU VỰC
CẨM PHẢ
Nguyễn Đức Thanh

Sở Y tế Quảng Ninh

Tên đơn vị: Bệnh viện đa khoa khu vực Cẩm Phả

Loại hình đơn vị: Sự nghiệp công lập

Mã đơn vị: 1017341

Phụ biểu 08
Mẫu số 09c-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH KHÁC
NĂM 2024

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)				Mục đích sử dụng						
		Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
			Nguồn ngân sách	Trong đó Nguồn khác								
1	2	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Xe ô tô	3.542.160	-	3.542.160	2.461.734.724							
1	Ford - 14A-01951	1.240.000		1.240.000	1.074.584.000			x				
2	Toyota Hiace - 14B-01812	1.038.500		1.038.500	345.820.500			x				
3	Thaco Tower -14C-212.74	295.660		295.660	137.895.824			x				
4	Ford - 14A-01957	968.000		968.000	903.434.400			x				
II	Tài sản cố định khác	172.692.144	87.298.808	85.393.336	46.015.737							
1	Bàn làm việc sơ sinh có hệ thống sưởi ấm	97.500	97.500	-	-			x				
2	Bàn mổ chấn thương chỉnh hình	313.240	313.240	-	-			x				
3	Bàn mổ đa năng	80.000	80.000	-	-			x				
4	Bàn mổ đa năng	80.000	80.000	-	-			x				
5	Bàn mổ đa năng điều khiển điện	489.950	-	489.950	-			x				
6	Bàn mổ đa năng điều khiển điện	489.950	-	489.950	-			x				
7	Bàn mổ vạn năng thủy lực	205.800	205.800	-	-			x				
8	Bình oxy hóa lỏng và dàn bốc hơi	1.522.498	1.522.498	-	-			x				
9	Bộ đại phẫu	198.400	198.400	-	-			x				
10	Bộ DC - PT thất lưng cột sống	94.108	94.108	-	-			x				
11	Bộ định vị đồng định xương chày có chốt	96.380	96.380	-	-			x				
12	Bộ định vị đồng định xương đùi có chốt	96.380	96.380	-	-			x				
13	Bộ dụng cụ phẫu thuật chấn thương chỉnh hình	409.763	409.763	-	-			x				
14	Bộ dụng cụ phẫu thuật sản khoa	94.920	94.920	-	-			x				
15	Bộ dụng cụ phẫu thuật sọ não	155.000	155.000	-	-			x				
16	Bộ dụng cụ phẫu thuật thanh quản	75.200	-	75.200	-			x				
17	Bộ ghế khám và điều trị tai mũi họng	39.950	39.950	-	-			x				
18	Bộ ghế khám và điều trị tai mũi họng	39.950	39.950	-	-			x				
19	Bộ hô hấp	17.000	-	17.000	-			x				
20	Bộ mổ mắt	856.515	856.515	-	-			x				
21	HT nội soi dạ dày thể hệ mới HD	1.668.000	1.668.000	-	-			x				
22	HT phẫu thuật nội soi	995.714	995.714	-	-			x				
23	Bộ phẫu thuật sản khoa	198.000	198.000	-	-			x				
24	Bộ tán sỏi bằng quang đặt sonde niệu quản	363.300	363.300	-	-			x				
25	Bộ tán sỏi niệu quản ngược dòng	634.200	634.200	-	-			x				
26	Bộ vali cấp cứu (14 Khoản)	21.800	-	21.800	-			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
		Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
		Tổng cộng	Trong đó									
			Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
27	Bơm tiêm điện	15.950	15.950	-	-			x				
28	Bơm tiêm điện	15.950	15.950	-	-			x				
29	Bơm tiêm điện	20.950	20.950	-	-			x				
30	Bơm tiêm điện	20.950	20.950	-	-			x				
31	Bơm tiêm điện	20.950	20.950	-	-			x				
32	Bơm tiêm điện	20.950	20.950	-	-			x				
33	Bơm tiêm điện	20.950	20.950	-	-			x				
34	Bơm tiêm điện	20.950	20.950	-	-			x				
35	Bơm tiêm điện	20.950	20.950	-	-			x				
36	Bơm tiêm điện	20.950	20.950	-	-			x				
37	Bơm tiêm điện	20.950	20.950	-	-			x				
38	Bơm tiêm điện	20.950	20.950	-	-			x				
39	Máy truyền dịch	23.480	23.480	-	-			x				
40	Máy truyền dịch	23.480	23.480	-	-			x				
41	Máy truyền dịch	23.480	23.480	-	-			x				
42	Máy truyền dịch	23.480	23.480	-	-			x				
43	Máy truyền dịch	23.480	23.480	-	-			x				
44	Bồn oxy cao áp	1.347.000	1.347.000	-	-			x				
45	Bồn oxy cao áp	1.347.000	1.347.000	-	-			x				
46	Bồn rửa tay cho phẫu thuật viên phòng mổ	249.365	-	249.365	-			x				
47	Bồn rửa tay cho phẫu thuật viên phòng mổ	249.365	-	249.365	-			x				
48	Bồn tắm trẻ sơ sinh	96.600	-	96.600	-			x				
49	Dao mổ siêu âm trong phẫu thuật nội soi	1.944.000	1.944.000	-	-			x				
50	Đầu dò âm đạo máy siêu âm Hitachi aloka	94.000	-	94.000	-			x				
51	Đầu dò siêu âm	74.700	74.700	-	-			x				
52	Đầu đo SPO2(cho máy theo dõi bệnh nhân)	14.459	14.459	-	-			x				
53	Đầu dò thẳng Linear	98.700	-	98.700	-			x				
54	Đèn điều trị vàng da	89.000	89.000	-	-			x				
55	Đèn mổ treo trần 2 chóa	719.980	-	719.980	-			x				
56	Đèn mổ treo trần 2 chóa, có camera	889.990	-	889.990	-			x				
57	Đèn mổ treo trần	197.715	197.715	-	-			x				
58	Đèn mổ treo trần	197.715	197.715	-	-			x				
59	Đèn quang trùng hợp QHL 75	12.271	12.271	-	-			x				
60	Ghế khám chữa răng	162.000	162.000	-	0			x				
61	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
62	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
63	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
64	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
65	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
66	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
67	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
		Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
		Tổng cộng	Trong đó									
			Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
68	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
69	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
70	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
71	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
72	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
73	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
74	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
75	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
76	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
77	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
78	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
79	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
80	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
81	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
82	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
83	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
84	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
85	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
86	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
87	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
88	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
89	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
90	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
91	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
92	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
93	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
94	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
95	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
96	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
97	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
98	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
99	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
100	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
101	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
102	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
103	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
104	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
105	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
106	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
107	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
108	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
109	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
		Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
		Tổng cộng	Trong đó									
			Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
110	Giường bệnh nhân 1 tay quay	20.200	-	20.200	-			x				
111	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
112	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
113	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
114	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
115	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
116	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
117	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
118	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
119	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
120	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
121	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
122	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
123	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
124	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
125	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
126	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
127	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
128	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
129	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
130	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
		Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
		Tổng cộng	Trong đó									
			Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
131	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
132	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
133	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
134	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
135	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
136	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
137	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
138	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
139	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
140	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
141	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
142	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
143	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
144	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
145	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
146	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
147	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
148	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
149	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
150	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
151	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20300	-	-			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
		Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
		Tổng cộng	Trong đó									
			Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
152	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
153	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20300	-	-			x				
154	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
155	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
156	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20300	-	-			x				
157	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
158	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
159	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
160	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
161	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
162	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
163	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
164	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
165	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
166	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
167	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
168	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
169	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
170	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
171	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
172	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
		Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
			Trong đó									
			Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
173	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
174	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
175	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
176	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
177	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
178	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
179	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
180	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
181	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
182	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
183	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
184	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
185	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
186	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
187	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
188	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
189	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
190	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
191	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
192	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
193	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
		Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
			Trong đó									
			Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
194	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
195	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
196	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
197	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
198	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
199	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
200	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
201	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
202	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
203	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
204	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
205	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
206	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
207	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
208	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
209	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
210	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường và bàn ăn	20.300	20.300	-	-			x				
211	Giường cấp cứu	22.300	22.300	-	-			x				
212	Giường chăm sóc Bệnh nhân	13.650	-	13.650	-			x				
213	Giường chăm sóc Bệnh nhân	13.650	-	13.650	-			x				
214	Giường chăm sóc Bệnh nhân	13.650	-	13.650	-			x				
215	Giường chăm sóc Bệnh nhân	13.650	-	13.650	-			x				
216	Giường chăm sóc Bệnh nhân	13.650	-	13.650	-			x				
217	Giường chăm sóc Bệnh nhân	13.650	-	13.650	-			x				
218	Giường chăm sóc Bệnh nhân	13.650	-	13.650	-			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
		Tổng cộng	Trong đó									
			Nguồn ngân sách									Nguồn khác
219	Giường chăm sóc Bệnh nhân	13.650	-	13.650	-			x				
220	Giường chăm sóc Bệnh nhân	13.650	-	13.650	-			x				
221	Giường chăm sóc Bệnh nhân	13.650	-	13.650	-			x				
222	Giường hồi sức cấp cứu	24.985	24.985	-	-			x				
223	Giường hồi sức cấp cứu	24.985	24.985	-	-			x				
224	Giường hồi sức cấp cứu	24.985	24.985	-	-			x				
225	Giường hồi sức cấp cứu	24.985	24.985	-	-			x				
226	Giường hồi sức cấp cứu	24.985	24.985	-	-			x				
227	Giường hồi sức cấp cứu chạy điện	110.960	110.960	-	-			x				
228	Giường hồi sức cấp cứu chạy điện	110.960	110.960	-	-			x				
229	Giường hồi sức cấp cứu điều khiển điện	110.900	-	110.900	-			x				
230	Giường hồi sức cấp cứu điều khiển điện	110.900	-	110.900	-			x				
231	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
232	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
233	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
234	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
235	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
236	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
237	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
238	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
239	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
240	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
241	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
242	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
243	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
244	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
245	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
246	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
247	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
248	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
249	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
250	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
251	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
252	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
253	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
254	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
255	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
256	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
257	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
258	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
259	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
260	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
		Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
			Trong đó									
			Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
261	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
262	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
263	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
264	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
265	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
266	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
267	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
268	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
269	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
270	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
271	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
272	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
273	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
274	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
275	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
276	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
277	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
278	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
279	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
280	Giường bệnh nhân kèm tủ đầu giường	20.300	-	20.300	-			x				
281	Hệ thống giàn bình oxy 2 nhanh	233.720	233.720	-	-			x				
282	Hệ thống hấp sấy tiệt trùng	903.600	903.600	-	-			x				
283	Hệ thống khí oxy	2.149.200	2.149.200	-	-			x				
284	Hệ thống máy khoa phục hồi chức năng (Máy điều trị từ trường toàn thân)	546.000	546.000	-	-			x				
285	Hệ thống nội soi dạ dày ống mềm	1.635.000	1.635.000	-	-			x				
286	Hệ thống rửa tay PT viên	250.000	250.000	-	-			x				
287	Hốt vô trùng (Tủ an toàn sinh học cấp 2)	75.000	75.000	-	-			x				
288	Kim bấm clip polime nội soi zize xl	44.500	-	44.500	-			x				
289	Kính hiển vi	17.500	17.500	-	-			x				
290	Kính hiển vi có chụp ảnh	219.946	219.946	-	-			x				
291	Bơm tiêm điện	43.500	43.500	-	-			x				
292	Bơm tiêm điện	38.920	38.920	-	-			x				
293	Máy cắt hút Polyp mũi xoang	98.000	-	98.000	-			x				
294	Máy chụp cộng hưởng từ hạt nhân	12.495.000	12.495.000	-	-			x				
295	Máy dò huyết chambers và điện châm đa năng	97.600	97.600	-	-			x				
296	Máy điện tim 3 cần	35.000	-	35.000	-			x				
297	Máy điện tim 6 cần	56.000	56.000	-	-			x				
298	Máy điện tim 6 cần	56.000	56.000	-	-			x				
299	Máy điều trị siêu cao tần	199.500	199.500	-	-			x				
300	Máy điều trị tần số thấp	69.285	69.285	-	-			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
		Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
		Tổng cộng	Trong đó									
			Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
301	Máy điều trị xung kích	541.500	541.500	-	-			x				
302	Máy đo nồng độ cồn trong hơi thở	45.800	-	45.800	-			x				
303	Máy đo tốc độ máu lắng	147.500	147.500	-	-			x				
304	Máy đóng gói đông y	62.249	62.249	-	-			x				
305	Máy gây mê kèm thở và máy nén khí	659.000	659.000	-	-			x				
306	Máy ghi điện não vi tính	399.540	399.540	-	-			x				
307	Máy hiển vi	18.000	-	18.000	-			x				
308	Máy Hút dịch chạy điện	20.850	20.850	-	-			x				
309	Máy hút dịch phẫu thuật	17.380	17.380	-	-			x				
310	Máy kéo giãn cổ cột sống	126.360	126.360	-	-			x				
311	Máy lấy cao răng	28.500	-	28.500	-			x				
312	Máy laze điều trị	109.490	109.490	-	-			x				
313	Máy ly tâm 12 ống	26.800	-	26.800	-			x				
314	Máy ly tâm	84.600	84.600	-	-			x				
315	Máy mổ nội soi khớp gối	3.007.000	3.007.000	-	-			x				
316	Máy phát điện 200KVA	1.149.700	1.149.700	-	-			x				
317	Máy sấy công nghiệp	188.700	188.700	-	-			x				
318	Máy siêu âm đen trắng	298.295	298.295	-	-			x				
319	Máy siêu âm màu 4 chiều ALoKa	2.049.500	2.049.500	-	-			x				
320	Máy siêu âm xách tay	92.000	-	92.000	-			x				
321	Máy sinh hiển vi phẫu thuật mắt	939.180	939.180	-	-			x				
322	Máy sinh hóa bán tự động mindray	71.500	-	71.500	-			x				
323	Máy sốc điện	248.800	248.800	-	-			x				
324	Máy sốc tim TEC- 5521K	105.000	-	105.000	-			x				
325	Máy thở áp lực dương CPAP (máy thở nhĩ)	149.500	149.500	-	-			x				
326	Máy thở chức năng cao	613.975	613.975	-	-			x				
327	Máy truyền dịch tự động	22.980	22.980	-	-			x				
328	Máy truyền dịch tự động	22.980	22.980	-	-			x				
329	Máy truyền dịch tự động	22.980	22.980	-	-			x				
330	Máy truyền dịch tự động	22.980	22.980	-	-			x				
331	Máy và bộ dụng cụ PT nội soi	850.000	850.000	-	-			x				
332	Máy XQuang cao tần Shimadu	899.000	899.000	-	-			x				
333	Máy xét nghiệm huyết học tự động 28 thông số	798.000	798.000	-	-			x				
334	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động	1.997.600	1.997.600	-	-			x				
335	Máy XN nước tiểu Mindray	19.500	-	19.500	-			x				
336	Máy Xquang chụp nhũ vú Mammography Xray sysrem	1.789.500	1.789.500	-	-			x				
337	Máy Xquang kỹ thuật số DR X-ray system (Universal type)	3.723.300	3.723.300	-	-			x				
338	Moniter theo dõi tim thai	194.700	194.700	-	-			x				
339	Monitor theo dõi bệnh nhân	148.895	148.895	-	-			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
		Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
			Trong đó									
			Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
340	Monitor theo dõi bệnh nhân	148.895	148.895	-	-			x				
341	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số (01 chiếc)	131.300	131.300	-	-			x				
342	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số (02 chiếc)	189.800	-	189.800	-			x				
343	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số (02 chiếc)	189.800	-	189.800	-			x				
344	Monitor theo dõi bệnh nhân 6 thông số (01 chiếc)	174.850	174.850	-	-			x				
345	Nồi hấp 77 lít	74.460	74.460	-	-			x				
346	Nồi hấp áp lực (nồi đun cách thủy)	22.192	22.192	-	-			x				
347	Nồi hấp áp lực (nồi đun cách thủy)	22.192	22.192	-	-			x				
348	Nồi hấp áp lực (nồi đun cách thủy)	22.192	22.192	-	-			x				
349	Nồi hấp dụng cụ Autu clare	23.086	23.086	-	-			x				
350	Nồi hấp hơi nước	19.570	-	19.570	-			x				
351	Nồi hấp hơi nước	19.570	-	19.570	-			x				
352	Nồi hấp hơi nước	19.570	-	19.570	-			x				
353	Nồi hấp hơi nước	19.570	-	19.570	-			x				
354	Nồi hấp hơi nước	19.570	-	19.570	-			x				
355	Nồi hấp hơi nước	19.150	-	19.150	-			x				
356	ống nội soi hậu môn, đại trực tràng	369.975	369.975	-	-			x				
357	Tay khoan chậm NSK	11.915	11.915	-	-			x				
358	Bộ dụng cụ cưa cắt sọ não	97.000	-	97.000	-			x				
359	Bộ dụng cụ khoan đục sọ não tự dừng	98.000	-	98.000	-			x				
360	Tủ âm 256 lít	59.000	59.000	-	-			x				
361	Tủ âm 37 độ	25.500	25.500	-	-			x				
362	Tủ lạnh lưu trữ tử thi	318.557	318.557	-	-			x				
363	Tủ bảo quản trữ máu	94.500	-	94.500	-			x				
364	Tủ lạnh trữ máu	260.000	260.000	-	-			x				
365	Tủ sấy điện 250 độ C loại vừa	35.000	35.000	-	-			x				
366	Tủ sấy khô 53l	24.600	24.600	-	-			x				
367	Xe cáng chở bệnh nhân (Băng ca)	37.000	37.000	-	-			x				
368	Xe cáng chở bệnh nhân (Băng ca)	37.000	37.000	-	-			x				
369	Xe cáng chở bệnh nhân (Băng ca	37.000	37.000	-	-			x				
370	Hệ Thống chụp cắt lớp vi tính 16 lát	7.860.000	5.000.000	2.860.000	-			x				
371	Máy điện tim 6 kênh	73.500	-	73.500	9.188			x				
372	Dao mổ điện lưỡng cực	76.500	-	76.500	9.563			x				
373	Máy đo chức năng hô hấp	97.600	-	97.600	12.200			x				
374	Máy điện xung , điện phân 2 kênh	125.000	-	125.000	15.625			x				
375	Máy điện xung , điện phân 2 kênh	125.000	-	125.000	15.625			x				
376	Máy kéo giãn cột sống lưng cổ	257.000	-	257.000	32.125			x				
377	Hệ thống nội soi TMH	168.000	-	168.000	21.000			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
		Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
			Nguồn ngân sách	Trong đó Nguồn khác								
378	Máy sàng lọc xơ vữa động mạch không xâm lấn (máy in đi kèm)	449.900	-	449.900	56.238			x				
379	Đèn khám di động tích hợp công nghệ đèn led	22.450	-	22.450	2.806			x				
380	Đèn khám di động tích hợp công nghệ đèn led	22.450	-	22.450	2.806			x				
381	Đèn khám di động tích hợp công nghệ đèn led	22.450	-	22.450	2.806			x				
382	Máy soi cổ tử cung (bộ máy tính , máy in đi kèm)	444.900	-	444.900	55.613			x				
383	Máy đốt điện cổ tử cung	197.550	-	197.550	24.694			x				
384	Bộ khám treo tường	60.380	-	60.380	7.548			x				
385	Máy đo huyết áp tự động để bàn	63.900	-	63.900	7.988			x				
386	Máy đo huyết áp tự động để bàn	63.900	-	63.900	7.988			x				
387	Máy đo huyết áp tự động để bàn	63.900	-	63.900	7.988			x				
388	Cân điện tử đo trọng lượng, chiều cao	13.450	-	13.450	1.681			x				
389	Cân điện tử đo trọng lượng, chiều cao	13.450	-	13.450	1.681			x				
390	Cân điện tử đo trọng lượng, chiều cao	13.450	-	13.450	1.681			x				
391	Máy tháo lông ruột	26.500	-	26.500	3.313			x				
392	Máy tháo lông ruột	26.500	-	26.500	3.313			x				
393	Máy monitor theo dõi sản khoa	68.668	68.668	-	8.584			x				
394	Máy siêu âm điều trị đa tần	98.860	98.860	-	12.358			x				
395	Xe đẩy thuốc cấp cứu	18.000	-	18.000	2.250			x				
396	Xe đẩy thuốc cấp cứu	18.000	-	18.000	2.250			x				
397	Xe đẩy thuốc cấp cứu	18.000	-	18.000	2.250			x				
398	Xe đẩy thuốc cấp cứu	18.000	-	18.000	2.250			x				
399	Máy Lazer nội mạch hai đầu phát	68.000	68.000	-	8.500			x				
400	Máy nạo hút mũi xoang	98.763	98.763	-	12.345			x				
401	Máy in phim khô (Xquang)	98.600	-	98.600	12.325			x				
402	Máy monitor theo dõi bệnh nhân	199.800	199.800	-	29.970			x				
403	Máy monitor theo dõi bệnh nhân	199.800	199.800	-	29.970			x				
404	Máy monitor theo dõi bệnh nhân	199.800	199.800	-	29.970			x				
405	Máy thở	800.000	800.000	-	120.000			x				
406	Máy xét nghiệm huyết học tự động 26 thông số	870.000	870.000	-	108.750			x				
407	Hệ thống xử lý ảnh XQuang số hóa	1.396.000	1.396.000	-	174.500			x				
408	Máy nội nha khoa tích hợp	96.850	-	96.850	24.213			x				
409	Máy XN khí máu	373.780	-	373.780	93.445			x				
410	Máy XN nước tiểu CombiScan	179.360	-	179.360	44.840			x				
411	Máy XN nước tiểu CombiScan	179.360	-	179.360	44.840			x				
412	Máy vi sóng xung và liên tục	305.000	-	305.000	76.250			x				
413	Máy lazer châm kim	160.000	-	160.000	40.000			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
		Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
		Tổng cộng	Trong đó									
			Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
414	Máy đóng túi thuốc tự động	125.000	-	125.000	31.250			x				
415	Thiết bị sắc thuốc	125.000	-	125.000	31.250			x				
416	Hệ thống phẫu thuật nội soi ổ bụng	2.370.000	2.370.000	-	592.500			x				
417	Hệ thống XQuang kỹ thuật số (DR)	3.800.000	3.800.000	-	950.000			x				
418	Máy điện xung kết hợp điện phân	98.680	-	98.680	24.670			x				
419	Bộ dụng cụ phẫu thuật bàn tay	96.894	-	96.894	24.224			x				
420	Máy XQuang răng toàn cảnh kỹ thuật số	879.350	-	879.350	219.838			x				
421	Máy siêu âm màu 3D/4D	2.211.420	-	2.211.420	552.855			x				
422	Máy cắt polip trực tràng	365.840	-	365.840	91.460			x				
423	Dao mổ điện	307.300	-	307.300	76.825			x				
424	Máy khí dung	19.870	-	19.870	4.968			x				
425	Máy khí dung	19.870	-	19.870	4.968			x				
426	Máy khí dung	19.870	-	19.870	4.968			x				
427	Máy khí dung	19.870	-	19.870	4.968			x				
428	Máy khí dung	19.870	-	19.870	4.968			x				
429	Máy khí dung	19.870	-	19.870	4.968			x				
430	Máy khí dung	19.870	-	19.870	4.968			x				
431	Máy khí dung	19.870	-	19.870	4.968			x				
432	Máy khí dung	19.870	-	19.870	4.968			x				
433	Máy khí dung	19.870	-	19.870	4.968			x				
434	Bộ dụng cụ phẫu thuật cấy Implant	181.500	-	181.500	45.375			x				
435	Máy đặt chân răng cấy ghép	150.380	-	150.380	37.595			x				
436	Bộ dụng cụ phẫu thuật răng hàm mặt	227.600	-	227.600	56.900			x				
437	Máy điện tim 6 cần	100.000	-	100.000	25.000			x				
438	Máy điện tim 3 cần	44.918	-	44.918	11.230			x				
439	Máy điện tim 3 cần	44.918	-	44.918	11.230			x				
440	Máy điện tim 3 cần	44.918	-	44.918	11.230			x				
441	Máy điện tim 3 cần	44.918	-	44.918	11.230			x				
442	Máy điện tim 3 cần	44.918	-	44.918	11.230			x				
443	Máy làm ấm dịch truyền	34.680	-	34.680	8.670			x				
444	Máy làm ấm dịch truyền	34.680	-	34.680	8.670			x				
445	Bơm tiêm điện	27.900	-	27.900	6.975			x				
446	Bơm tiêm điện	27.900	-	27.900	6.975			x				
447	Bơm tiêm điện	27.900	-	27.900	6.975			x				
448	Bơm tiêm điện	27.900	-	27.900	6.975			x				
449	Bơm tiêm điện	27.900	-	27.900	6.975			x				
450	Bơm tiêm điện	27.900	-	27.900	6.975			x				
451	Máy truyền dịch	36.150	-	36.150	9.038			x				
452	Máy truyền dịch	36.150	-	36.150	9.038			x				
453	Máy truyền dịch	36.150	-	36.150	9.038			x				
454	Máy doppler tim thai	45.000	-	45.000	11.250			x				
455	Máy doppler tim thai	45.000	-	45.000	11.250			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
		Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
		Tổng cộng	Trong đó									
			Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
456	Đèn chiếu vàng da	47.580	-	47.580	11.895			x				
457	Cửa cắt bột	24.700	-	24.700	6.175			x				
458	Máy khử xạ tự động	98.100	-	98.100	24.525			x				
459	Máy phân tích miễn dịch	1.501.635	-	1.501.635	375.409			x				
460	Máy xét nghiệm huyết học CELLDIFF-3+	303.805	-	303.805	75.951			x				
461	Máy xét nghiệm điện giải 3 thông số Na/K/Cl	123.450	-	123.450	30.863			x				
462	Máy phân tích sinh hóa tự động	2.285.460	-	2.285.460	571.365			x				
463	Máy Lazer nội mạch hai đầu phát	68.000	-	68.000	17.000			x				
464	Bồn đun Pafin	44.580	-	44.580	11.145			x				
465	Bộ đèn đặt nội khí quản trẻ em- người lớn Fibre-optics (ánh sáng lạnh xenon XL 2.5V)	32.800	-	32.800	8.200			x				
466	Bộ đèn đặt nội khí quản trẻ em- người lớn Fibre-optics (ánh sáng lạnh xenon XL 2.5V)	32.800	-	32.800	8.200			x				
467	Bộ đèn đặt nội khí quản trẻ em- người lớn Fibre-optics (ánh sáng lạnh xenon XL 2.5V)	32.800	-	32.800	8.200			x				
468	Bàn điện gắn sinh hiển vi khám mắt	10.578	-	10.578	2.645			x				
469	Dao mổ điện	260.000	260.000	-	65.000			x				
470	Máy gây mê kèm thở	830.000	830.000	-	207.500			x				
471	Máy chụp Xquang C-arm	1.725.224	-	1.725.224	603.828			x				
472	Lồng ấp trẻ sơ sinh	341.958	-	341.958	119.685			x				
473	Giường sưởi ấm trẻ sơ sinh	257.348	-	257.348	90.072			x				
474	Máy khám nội soi TMH	242.671	-	242.671	84.935			x				
475	Máy đo lưu huyết não	344.210	-	344.210	120.474			x				
476	Bộ dụng cụ nội soi can thiệp buồng tử cung	343.997	-	343.997	120.399			x				
477	Máy đo thính lực	255.909	-	255.909	89.568			x				
478	Máy siêu âm doppler màu 4D (4 đầu dò)	2.146.992	-	2.146.992	751.447			x				
479	Tủ lạnh âm sâu	227.545	-	227.545	79.641			x				
480	Máy siêu âm mắt AB	535.246	-	535.246	187.336			x				
481	Hệ thống nội soi tiêu hóa 2 dây	2.680.000	2.680.000	-	938.000			x				
482	Máy lọc máu HDF-Online (lọc máu liên tục)	1.189.000	1.189.000	-	416.150			x				
483	Máy điện xung kết hợp điện phân	98.000	-	98.000	34.300			x				
484	Hệ thống ghế răng Zian	85.050	-	85.050	29.768			x				
485	Giàn tập đa năng	70.300	-	70.300	24.605			x				
486	Máy siêu âm điều trị đa tần	96.000	-	96.000	33.600			x				
487	Máy ly tâm	92.800	-	92.800	32.480			x				
488	Máy phun sương khử khuẩn không khí và bề mặt	95.000	-	95.000	42.750			x				
489	Máy thở xách tay	106.000	-	106.000	47.700			x				
490	Bộ đặt nội khí quản có camera	92.500	-	92.500	41.625			x				
491	Tủ bảo quản Sanaky	23.350	-	23.350	10.508			x				
492	Tủ bảo quản Sanaky	23.350	-	23.350	10.508			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
		Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
		Tổng cộng	Trong đó									
			Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
493	Hệ thống loa	98.000	-	98.000	19.600			x				
494	Máy hút dịch	54.978	-	54.978	24.740			x				
495	Máy hút dịch	54.978	-	54.978	24.740			x				
496	Máy phân tích dòng máu tự động	96.000	-	96.000	43.200			x				
497	Máy phân tích HBA1C	95.000	-	95.000	42.750			x				
498	Máy điện tim 3 cần	35.000	-	35.000	15.750			x				
499	Máy điện tim 3 cần	35.000	-	35.000	15.750			x				
500	Máy điện tim 3 cần	35.000	-	35.000	15.750			x				
501	Nồi hấp xách tay	22.000	-	22.000	9.900			x				
502	Nồi hấp xách tay	22.000	-	22.000	9.900			x				
503	Máy phân tích điện giải tự động	90.000	-	90.000	40.500			x				
504	Máy khí dung siêu âm	23.500	-	23.500	10.575			x				
505	Máy khí dung siêu âm	23.500	-	23.500	10.575			x				
506	Máy chạy thận nhân tạo	-	-	-	-			x				
507	Máy chạy thận nhân tạo	-	-	-	-			x				
508	Máy thở	-	-	-	-			x				
509	Máy đo huyết áp tự động để bàn	-	-	-	-			x				
510	Máy hấp sấy tiệt trùng nhiệt độ cao (dung tích 780 lít)	2.926.000	-	2.926.000	1.609.300			x				
511	Máy thận nhân tạo	385.000	385.000	-	211.750			x				
512	Máy thận nhân tạo	385.000	385.000	-	211.750			x				
513	Máy thận nhân tạo	385.000	385.000	-	211.750			x				
514	Máy thận nhân tạo	385.000	385.000	-	211.750			x				
515	Máy thận nhân tạo	385.000	385.000	-	211.750			x				
516	Máy thận nhân tạo	385.000	385.000	-	211.750			x				
517	Máy thận nhân tạo	385.000	385.000	-	211.750			x				
518	Máy thận nhân tạo	385.000	385.000	-	211.750			x				
519	Máy thận nhân tạo	385.000	385.000	-	211.750			x				
520	Máy thận nhân tạo	385.000	385.000	-	211.750			x				
521	Máy monitor theo dõi sản khoa hai chức năng	109.579	109.579	-	60.268			x				
522	Máy monitor theo dõi sản khoa hai chức năng	109.579	109.579	-	60.268			x				
523	Bể rửa siêu âm 77 lít	-	-	-	-			x				
524	Máy đo độ bão hòa oxy kẹp tay	13.500	-	13.500	7.425			x				
525	Máy đo độ bão hòa oxy kẹp tay	13.500	-	13.500	7.425			x				
526	Máy đo độ bão hòa oxy kẹp tay	13.500	-	13.500	7.425			x				
527	Máy đo độ bão hòa oxy kẹp tay	13.500	-	13.500	7.425			x				
528	Máy đo độ bão hòa oxy kẹp tay	13.500	-	13.500	7.425			x				
529	Máy đo độ bão hòa oxy kẹp tay	13.500	-	13.500	7.425			x				
530	Máy đo độ bão hòa oxy kẹp tay	13.500	-	13.500	7.425			x				
531	Máy đo độ bão hòa oxy kẹp tay	13.500	-	13.500	7.425			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
		Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
		Tổng cộng	Trong đó									
			Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
532	Máy đo độ bão hòa oxy kẹp tay	13.500	-	13.500	7.425			x				
533	Máy đo độ bão hòa oxy kẹp tay	13.500	-	13.500	7.425			x				
534	Máy đo độ bão hòa oxy kẹp tay	13.500	-	13.500	7.425			x				
535	Máy đo độ bão hòa oxy kẹp tay	13.500	-	13.500	7.425			x				
536	Máy đo độ bão hòa oxy kẹp tay	13.500	-	13.500	7.425			x				
537	Máy đo độ bão hòa oxy kẹp tay	13.500	-	13.500	7.425			x				
538	Máy đo độ bão hòa oxy kẹp tay	13.500	-	13.500	7.425			x				
539	Máy đo độ bão hòa oxy kẹp tay	13.500	-	13.500	7.425			x				
540	Máy đo độ bão hòa oxy kẹp tay	13.500	-	13.500	7.425			x				
541	Máy đo độ bão hòa oxy kẹp tay	13.500	-	13.500	7.425			x				
542	Máy đo độ bão hòa oxy kẹp tay	13.500	-	13.500	7.425			x				
543	Máy đo độ bão hòa oxy kẹp tay	13.500	-	13.500	7.425			x				
544	Máy đo độ bão hòa oxy kẹp tay	13.500	-	13.500	7.425			x				
545	Máy đo độ bão hòa oxy kẹp tay	13.500	-	13.500	7.425			x				
546	Máy đo độ bão hòa oxy kẹp tay	13.500	-	13.500	7.425			x				
547	Máy đo độ bão hòa oxy kẹp tay	13.500	-	13.500	7.425			x				
548	Máy đo độ bão hòa oxy kẹp tay	13.500	-	13.500	7.425			x				
549	Máy đo độ bão hòa oxy kẹp tay	13.500	-	13.500	7.425			x				
550	Máy thở xách tay	106.000	-	106.000	58.300			x				
551	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	54.725	-	54.725	30.099			x				
552	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	54.725	-	54.725	30.099			x				
553	HT xét nghiệm Realtime PCR bao gồm: Máy tách chiết DNA/RNA Hệ Realtime PCR	1.490.000	-	1.490.000	819.500			x				
554	Máy hút dịch 2 bình (máy hút đờm)	25.100	-	25.100	13.805			x				
555	Hệ thống nội soi tai mũi họng ống mềm video (có chức năng nội soi nhuộm màu chẩn đoán ung thư sớm)	2.268.000	2.268.000	-	1.474.200			x				
556	Hệ thống phẫu thuật mắt phaco (máy mổ phaco)	1.658.000	1.658.000	-	1.077.700			x				
557	Máy thở HFNC (Máy làm ẩm hơi thở)	-	-	-	-			x				
558	Máy thở chức năng cao	-	-	-	-			x				
559	Máy monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	64.725	-	64.725	42.071			x				
560	Máy monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	64.725	-	64.725	42.071			x				
561	Giường y tế 1 tay quay	10.500	-	10.500	6.825			x				
562	Giường y tế 1 tay quay	10.500	-	10.500	6.825			x				
563	Giường y tế 1 tay quay	10.500	-	10.500	6.825			x				
564	Giường y tế 1 tay quay	10.500	-	10.500	6.825			x				
565	Giường y tế 1 tay quay	10.500	-	10.500	6.825			x				
566	Giường y tế 1 tay quay	10.500	-	10.500	6.825			x				
567	Giường y tế 1 tay quay	10.500	-	10.500	6.825			x				
568	Giường y tế 1 tay quay	10.500	-	10.500	6.825			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
		Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
		Tổng cộng	Trong đó									
			Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
569	Giường y tế 1 tay quay	10.500	-	10.500	6.825			x				
570	Giường HSCC điều khiển điện cấu hình trung bình	109.950	-	109.950	5.498			x				
571	Giường HSCC điều khiển điện cấu hình trung bình	109.950	-	109.950	5.498			x				
572	Giường HSCC điều khiển điện cấu hình trung bình	109.950	-	109.950	5.498			x				
573	Giường HSCC điều khiển điện cấu hình trung bình	109.950	-	109.950	5.498			x				
574	Giường HSCC điều khiển điện cấu hình trung bình	109.950	-	109.950	5.498			x				
575	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số (cấu hình cao)	197.788	-	197.788	9.889			x				
576	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số (cấu hình cao)	197.788	-	197.788	9.889			x				
577	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số (cấu hình trung bình)	147.943	-	147.943	7.397			x				
578	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số (cấu hình trung bình)	147.943	-	147.943	7.397			x				
579	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số (cấu hình trung bình)	147.943	-	147.943	7.397			x				
580	Monitor sản khoa	179.700	-	179.700	8.985			x				
581	Monitor sản khoa	179.700	-	179.700	8.985			x				
582	Máy thở Trilogy Evo O2 (CV 560/SYT-KHTC ngày 25/01/2022)	-	-	-	-			x				
583	Máy theo dõi bệnh nhân > 5 thông số (CV 3357/SYT-KHTC ngày 15/06/2022)	130.000	-	130.000	84.500			x				
584	Máy theo dõi bệnh nhân > 5 thông số (CV 3357/SYT-KHTC ngày 15/06/2022)	130.000	-	130.000	84.500			x				
585	Máy theo dõi bệnh nhân > 5 thông số (CV 3357/SYT-KHTC ngày 15/06/2022)	130.000	-	130.000	84.500			x				
586	Máy theo dõi bệnh nhân > 5 thông số (CV 3357/SYT-KHTC ngày 15/06/2022)	130.000	-	130.000	84.500			x				
587	Máy theo dõi bệnh nhân > 5 thông số (CV 3357/SYT-KHTC ngày 15/06/2022)	130.000	-	130.000	84.500			x				
588	Máy truyền dịch (CV 3357/SYT-KHTC ngày 15/06/2022)	33.970	-	33.970	22.081			x				
589	Máy truyền dịch (CV 3357/SYT-KHTC ngày 15/06/2022)	33.970	-	33.970	22.081			x				
590	Máy truyền dịch (CV 3357/SYT-KHTC ngày 15/06/2022)	33.970	-	33.970	22.081			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
		Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
			Nguồn ngân sách	Trong đó Nguồn khác								
591	Máy truyền dịch (CV 3357/SYT-KHTC ngày 15/06/2022)	33.970	-	33.970	22.081			x				
592	Máy truyền dịch (CV 3357/SYT-KHTC ngày 15/06/2022)	33.970	-	33.970	22.081			x				
593	Máy truyền dịch (CV 3357/SYT-KHTC ngày 15/06/2022)	33.970	-	33.970	22.081			x				
594	Máy truyền dịch (CV 3357/SYT-KHTC ngày 15/06/2022)	33.970	-	33.970	22.081			x				
595	Máy truyền dịch (CV 3357/SYT-KHTC ngày 15/06/2022)	33.970	-	33.970	22.081			x				
596	Máy truyền dịch (CV 3357/SYT-KHTC ngày 15/06/2022)	33.970	-	33.970	22.081			x				
597	Máy truyền dịch (CV 3357/SYT-KHTC ngày 15/06/2022)	33.970	-	33.970	22.081			x				
598	Máy thử chức năng cao (Sử dụng turbin khí) (CV 3357/SYT-KHTC ngày 15/06/2022)	666.000	-	666.000	432.900			x				
599	Máy siêu âm điều trị	96.000	-	96.000	62.400			x				
600	Máy xét nghiệm huyết học (Máy phân tích huyết học) tự động hoàn toàn	2.268.000	2.268.000	-	1.474.200			x				
601	Máy tiết trùng nhiệt độ thấp	1.950.000	1.950.000	-	1.267.500			x				
602	Tủ an toàn sinh học cấp 2	250.000	250.000	-	187.500			x				
603	Máy gây mê	842.500	842.500	-	631.875			x				
604	Máy gây mê	842.500	842.500	-	631.875			x				
605	Máy kéo giãn cột sống	429.000	429.000	-	321.750			x				
606	Giường y tế 1 tay quay	15.000	-	15.000	11.250			x				
607	Giường y tế 1 tay quay	15.000	-	15.000	11.250			x				
608	Giường y tế 1 tay quay	15.000	-	15.000	11.250			x				
609	Giường y tế 1 tay quay	15.000	-	15.000	11.250			x				
610	Giường y tế 1 tay quay	15.000	-	15.000	11.250			x				
611	Máy chụp Xquang KTS di động	2.214.000	-	2.214.000	1.660.500			x				
612	Bơm tiêm điện	32.000	-	32.000	24.000			x				
613	Bơm tiêm điện	32.000	-	32.000	24.000			x				
614	Bơm tiêm điện	32.000	-	32.000	24.000			x				
615	Bơm tiêm điện	32.000	-	32.000	24.000			x				
616	Bơm tiêm điện	32.000	-	32.000	24.000			x				
617	Bơm tiêm điện	32.000	-	32.000	24.000			x				
618	Laser nội mạch hai đầu phát (Laser điều trị)	33.750	-	33.750	25.313			x				
619	Laser nội mạch hai đầu phát (Laser điều trị)	33.750	-	33.750	25.313			x				
620	Giường HSCC	71.200	71.200	-	53.400			x				
621	Giường HSCC	71.200	71.200	-	53.400			x				
622	Giường HSCC	71.200	71.200	-	53.400			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
		Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
			Trong đó									
			Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
623	Giường HSCC	71.200	71.200	-	53.400			x				
624	Giường HSCC	71.200	71.200	-	53.400			x				
625	Đèn mô di động công nghệ LED 70.000 LUX	70.000	-	70.000	52.500			x				
626	Giàn tập phục hồi chức năng (Kèm máy nén khí)	2.025.000	2.025.000	-	1.518.750			x				
627	Máy phun khí dung (Bộ khí dung kết nối máy thở)	33.900	-	33.900	25.425			x				
628	Máy phun khí dung (Bộ khí dung kết nối máy thở)	33.900	-	33.900	25.425			x				
629	Cân phân tích	25.000	-	25.000	18.750			x				
630	Bể ổn nhiệt	25.000	-	25.000	18.750			x				
631	Máy thở Vsmart	72.238	-	72.238	54.179			x				
632	Máy thở Vsmart	72.238	-	72.238	54.179			x				
633	Máy thở Vsmart	72.238	-	72.238	54.179			x				
634	Máy thở Vsmart	72.238	-	72.238	54.179			x				
635	Máy thở Vsmart	72.238	-	72.238	54.179			x				
636	Máy thở chức năng cao	-	-	-	-			x				
637	Bơm tiêm điện	21.000	-	21.000	18.375			x				
638	Bơm tiêm điện	21.000	-	21.000	18.375			x				
639	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số	48.600	-	48.600	42.525			x				
640	Bơm tiêm điện	21.000	-	21.000	18.375			x				
641	Bơm tiêm điện	21.000	-	21.000	18.375			x				
642	Hệ thống nội soi tiêu hóa dạ dày - đại tràng (máy tính, máy in đi kèm)	4.585.000	-	4.585.000	4.011.875			x				
643	Máy đo độ loãng xương toàn thân (máy tính, máy in đi kèm)	1.595.000	-	1.595.000	1.395.625			x				
644	Máy siêu âm tổng quát 4 đầu dò (Đầu dò: convex, linear, âm đạo, đầu dò khối) (máy tính, máy in đi kèm)	1.581.000	-	1.518.000	1.328.250			x				
645	Xe nâng hạ	11.550	-	11.550	10.106			x				
646	Xe nâng hạ	11.550	-	11.550	10.106			x				
647	Xe nâng hạ	11.550	-	11.550	10.106			x				
648	Xe nâng hạ	11.550	-	11.550	10.106			x				
649	Máy tán sỏi laser	5.222.000	-	5.222.000	4.569.250			x				
650	Máy siêu âm tổng quát 4 đầu dò (Đầu dò: convex, linear, âm đạo, tim) (máy tính, máy in đi kèm)	2.855.000	-	2.855.000	2.498.125			x				
651	Tủ mát Sanaky 1400 L (Tủ bảo quản)	38.940	-	38.940	34.073			x				
652	Tủ mát Sanaky 900 L (Tủ bảo quản)	27.390	-	27.390	23.966			x				
653	Máy thận nhân tạo	371.500	371.500	-	325.063			x				
654	Máy thận nhân tạo	371.500	371.500	-	325.063			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
		Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
			Trong đó									
			Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
655	Máy thận nhân tạo	371.500	371.500	-	325.063			x				
656	Máy thận nhân tạo	371.500	371.500	-	325.063			x				
657	Máy thận nhân tạo	371.500	371.500	-	325.063			x				
658	Máy điện xung điện phân	76.500	-	76.500	66.938			x				
659	Máy ly tâm	88.500	-	88.500	77.438			x				
660	Kính hiển vi hai mắt	41.000	-	41.000	35.875			x				
661	Tủ bảo quản mẫu	85.000	-	85.000	74.375			x				
662	Bộ đặt nội khí quản có camera	30.000	-	30.000	26.250			x				
663	Máy điện tim	96.500	-	96.500	84.438			x				
664	Máy phát điện	34.020	-	34.020	29.768			x				
665	Thiết bị hội nghị truyền hình trực tuyến	214.412	214.412	-	-			x				
666	bộ máy tính để bàn Asus	11.748	-	11.748	-			x				
667	bộ máy tính để bàn Asus	11.748	-	11.748	-			x				
668	bộ máy tính để bàn Asus	11.748	-	11.748	-			x				
669	bộ máy tính để bàn Asus	11.748	-	11.748	-			x				
670	bộ máy tính để bàn Asus	11.748	-	11.748	-			x				
671	bộ máy tính để bàn Asus	11.748	-	11.748	-			x				
672	bộ máy tính để bàn Asus	11.748	-	11.748	-			x				
673	bộ máy tính để bàn Asus	11.748	-	11.748	-			x				
674	Bộ máy tính để bàn	10.835	10.835	-	-			x				
675	Bộ máy tính để bàn	10.835	10.835	-	-			x				
676	Bộ máy tính để bàn	10.835	10.835	-	-			x				
677	Bộ nhớ trong DDRam2 IBM máy chủ 16Gb	18.090	18.090	-	-			x				
678	CPU máy tính (cây)	41.970	-	41.970	-			x				
679	Đầu ghi hình	21.122	-	21.122	-			x				
680	Hệ thống máy in số tự động	12.530	12.530	-	-			x				
681	Lưu điện	30.943	-	30.943	-			x				
682	Máy chiếu	57.671	57.671	-	-			x				
683	Máy hút ẩm	12.950	12.950	-	-			x				
684	Máy in mã vạch Zebra	34.000	-	34.000	-			x				
685	Máy in mã vạch Zebra	34.000	-	34.000	-			x				
686	Máy lấy số tự động KIOSK	16.500	16.500	-	-			x				
687	Máy lọc nước	18.260	18.260	-	-			x				
688	Máy tính	10.835	-	10.835	-			x				
689	Máy tính	10.835	-	10.835	-			x				
690	Máy tính	10.835	-	10.835	-			x				
691	Máy tính	10.835	-	10.835	-			x				
692	Máy tính	10.835	-	10.835	-			x				
693	Máy tính	10.835	-	10.835	-			x				
694	Máy tính	11.748	-	11.748	-			x				
695	Máy tính	11.748	-	11.748	-			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
		Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
			Trong đó									
			Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
696	Máy tính bàn Asus	10.455	-	10.455	-			x				
697	Máy tính bàn Asus	10.455	-	10.455	-			x				
698	Máy tính bàn Asus	10.455	-	10.455	-			x				
699	Máy tính bàn Asus	10.455	-	10.455	-			x				
700	Máy tính để bàn	12.710	12.710	-	-			x				
701	Máy tính để bàn	11.748	-	11.748	-			x				
702	Máy tính để bàn	12.980	-	12.980	-			x				
703	Máy tính để bàn Acer	12.650	12.650	-	-			x				
704	Máy tính để bàn Acer	12.650	12.650	-	-			x				
705	Máy tính để bàn Acer	12.650	12.650	-	-			x				
706	Máy tính để bàn Acer	12.650	12.650	-	-			x				
707	Máy tính để bàn Acer	12.650	12.650	-	-			x				
708	Máy tính để bàn Acer	11.825	11.825	-	-			x				
709	Máy tính để bàn Acer	11.825	11.825	-	-			x				
710	Máy tính để bàn Acer	11.825	11.825	-	-			x				
711	Máy tính để bàn Acer	11.825	11.825	-	-			x				
712	Máy tính để bàn Acer	11.825	11.825	-	-			x				
713	Máy tính để bàn Acer	11.825	11.825	-	-			x				
714	Máy tính để bàn Acer	11.825	11.825	-	-			x				
715	Máy tính để bàn Acer	11.825	11.825	-	-			x				
716	Máy tính FPT elead+ UBS 500VA	19.320	19.320	-	-			x				
717	Máy tính Notebook Dell	24.850	24.850	-	-			x				
718	Máy tính xách tay	22.550	22.550	-	-			x				
719	Máy tính xách tay	16.263	16.263	-	-			x				
720	Máy tính xách tay	16.263	16.263	-	-			x				
721	Máy tính xách tay + 3 chuột	12.696	12.696	-	-			x				
722	Máy tính xách tay + 3 chuột	12.696	12.696	-	-			x				
723	Máy tính xách tay + 3 chuột	12.696	12.696	-	-			x				
724	Máy tính xách tay lennovo	21.830	-	21.830	-			x				
725	Máy tính xách tay	13.970	-	13.970	-			x				
726	Máy tính xách tay	19.949	-	19.949	-			x				
727	Máy tính xách tay Asus	18.150	18.150	-	-			x				
728	Máy tính xách tay Asus K455 LA-ũ312D	16.875	-	16.875	-			x				
729	Máy tính xách tay Asus M3 6Y 30	23.575	-	23.575	-			x				
730	Máy tính, máy in, USB	95.919	95.919	-	-			x				
731	Máy vi tính	15.826	-	15.826	-			x				
732	Máy vi tính để bàn	19.864	19.864	-	-			x				
733	Máy vi tính để bàn	13.570	13.570	-	-			x				
734	Máy vi tính để bàn	16.803	16.803	-	-			x				
735	Máy vi tính để bàn	11.748	-	11.748	-			x				
736	Máy vi tính xách tay	24.675	-	24.675	-			x				
737	Máy vi tính và máy in Khoa CDHA	19.690	-	19.690	-			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
		Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
			Trong đó									
			Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
738	Máy vi tính và máy in Khoa CDHA	19.690	-	19.690	-			x				
739	Nguồn máy chủ	34.792	-	34.792	-			x				
740	Nguồn máy chủ	17.200	17.200	-	-			x				
741	Thiết bị định tuyến quản trị trung tâm	14.750	14.750	-	-			x				
742	Thiết bị phát sóng mạng không dây	47.790	47.790	-	-			x				
743	Thiết bị thông tin (máy chủ IBM)	361.927	361.927	-	-			x				
744	Thiết bị tin học	50.600	50.600	-	-			x				
745	Thiết bị tin học	10.466	10.466	-	-			x				
746	Tivi	30.900	30.900	-	-			x				
747	Tivi led asanzo	10.384	-	10.384	-			x				
748	Tivi LG60	29.645	29.645	-	-			x				
749	Tủ lạnh bảo quản dược phẩm 2-8 độ	97.650	-	97.650	-			x				
750	Tủ lạnh bảo quản dược phẩm 2-8 độ	87.115	87.115	-	-			x				
751	Tủ mát đựng Sanaky	29.359	29.359	-	-			x				
752	Tủ mát đựng thuốc đông y	11.783	11.783	-	-			x				
753	Tủ thuốc inox khoa dược	59.747	59.747	-	-			x				
754	Tuyến cáp ngầm 0.4kv	456.584	456.584	-	-			x				
755	Máy tính	12.100	-	12.100	-			x				
756	Máy tính	12.100	-	12.100	-			x				
757	Máy tính	12.100	-	12.100	-			x				
758	Máy tính	12.100	-	12.100	-			x				
759	Máy vi tính	12.760	-	12.760	-			x				
760	Máy vi tính ASIAN Super intel Core i5	15.400	-	15.400	-			x				
761	Máy vi tính	12.760	-	12.760	-			x				
762	Máy chủ HIS + LIS HPE DL380 Gen9 8SFF CTO Server	197.000	-	197.000	-			x				
763	Máy chủ HIS + LIS HPE DL380 Gen9 8SFF CTO Server	197.000	-	197.000	-			x				
764	Máy chủ PASC HPE DL380 Gen9 8SFF CTO Server	222.500	-	222.500	-			x				
765	Bộ định tuyến Router Cisco ISR 4431 (4GE,3NIM,8G FLASH, 4G DRAM,IPB)	197.000	-	197.000	-			x				
766	Thiết bị tường lửa Cisco ASA 5516-X with FirePOWER services, 8GE, AC, 3DES/AES	164.000	-	164.000	-			x				
767	Thiết bị chuyển mạch Layer 3 Cisco WS-C3650-24TS-S	86.000	-	86.000	-			x				
768	Thiết bị không dây (Wireless) 08 bộ Cisco AIR-AP1832I-S-K9 và quản trị mạng (Controller) 01 bộ Cisco AIR-CT2504-25-K9	308.000	-	308.000	-			x				
769	Tủ đựng máy chủ SH Rack 42U - D1000	11.800	-	11.800	-			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
		Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
		Tổng cộng	Trong đó									
			Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
770	Bộ lưu điện Santak True Online 10KVA - Model C10K	105.000	-	105.000	-			x				
771	Thiết bị SAN Switch Cisco (DS-C9148S-12PK9) MDS 9148S 16G FC switch, w/ 12 active ports	109.450	-	109.450	-			x				
772	Máy tính để bàn và lưu điện	14.400	-	14.400	-			x				
773	Máy tính để bàn và lưu điện	14.400	-	14.400	-			x				
774	Máy tính để bàn và lưu điện	14.400	-	14.400	-			x				
775	Máy tính để bàn và lưu điện	14.400	-	14.400	-			x				
776	Máy tính để bàn và lưu điện	14.400	-	14.400	-			x				
777	Máy tính để bàn và lưu điện	14.400	-	14.400	-			x				
778	Máy tính để bàn và lưu điện	14.400	-	14.400	-			x				
779	Máy tính để bàn (máy trạm) HP280G3I5_1RX82PA + Màn hình HP LV2011 20 inch Bộ lưu điện MARUSON POW-500AGMV	18.300	-	18.300	-			x				
780	Máy tính để bàn (máy trạm) HP280G3I5_1RX82PA + Màn hình HP LV2011 20 inch Bộ lưu điện MARUSON POW-500AGMV	18.300	-	18.300	-			x				
781	Máy tính để bàn (máy trạm) HP280G3I5_1RX82PA + Màn hình HP LV2011 20 inch Bộ lưu điện MARUSON POW-500AGMV	18.300	-	18.300	-			x				
782	Máy tính để bàn (máy trạm) HP280G3I5_1RX82PA + Màn hình HP LV2011 20 inch Bộ lưu điện MARUSON POW-500AGMV	18.300	-	18.300	-			x				
783	Máy tính để bàn (máy trạm) HP280G3I5_1RX82PA + Màn hình HP LV2011 20 inch Bộ lưu điện MARUSON POW-500AGMV	18.300	-	18.300	-			x				
784	Máy tính để bàn (máy trạm) HP280G3I5_1RX82PA + Màn hình HP LV2011 20 inch Bộ lưu điện MARUSON POW-500AGMV	18.300	-	18.300	-			x				
785	Máy tính để bàn (máy trạm) HP280G3I5_1RX82PA + Màn hình HP LV2011 20 inch Bộ lưu điện MARUSON POW-500AGMV	18.300	-	18.300	-			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng							
		Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
			Trong đó										
			Nguồn ngân sách	Nguồn khác									
786	Máy tính để bàn (máy trạm) HP280G3I5_1RX82PA + Màn hình HP LV2011 20 inch Bộ lưu điện MARUSON POW-500AGMV	18.300	-	18.300	-			x					
787	Máy tính để bàn (máy trạm) HP280G3I5_1RX82PA + Màn hình HP LV2011 20 inch Bộ lưu điện MARUSON POW-500AGMV	18.300	-	18.300	-			x					
788	Máy tính để bàn (máy trạm) HP280G3I5_1RX82PA + Màn hình HP LV2011 20 inch Bộ lưu điện MARUSON POW-500AGMV	18.300	-	18.300	-			x					
789	Máy tính để bàn (máy trạm) HP280G3I5_1RX82PA + Màn hình HP LV2011 20 inch Bộ lưu điện MARUSON POW-500AGMV	18.300	-	18.300	-			x					
790	Máy tính để bàn (máy trạm) HP280G3I5_1RX82PA + Màn hình HP LV2011 20 inch Bộ lưu điện MARUSON POW-500AGMV	18.300	-	18.300	-			x					
791	Máy tính để bàn (máy trạm) HP280G3I5_1RX82PA + Màn hình HP LV2011 20 inch Bộ lưu điện MARUSON POW-500AGMV	18.300	-	18.300	-			x					
792	Máy tính để bàn (máy trạm) HP280G3I5_1RX82PA + Màn hình HP LV2011 20 inch Bộ lưu điện MARUSON POW-500AGMV	18.300	-	18.300	-			x					
793	Máy tính để bàn (máy trạm) HP280G3I5_1RX82PA + Màn hình HP LV2011 20 inch Bộ lưu điện MARUSON POW-500AGMV	18.300	-	18.300	-			x					
794	Máy tính để bàn (máy trạm) HP280G3I5_1RX82PA + Màn hình HP LV2011 20 inch Bộ lưu điện MARUSON POW-500AGMV	18.300	-	18.300	-			x					
795	Máy tính để bàn (máy trạm) HP280G3I5_1RX82PA + Màn hình HP LV2011 20 inch Bộ lưu điện MARUSON POW-500AGMV	18.300	-	18.300	-			x					

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
		Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
			Trong đó									
			Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
796	Máy tính để bàn (máy trạm) HP280G3I5_1RX82PA + Màn hình HP LV2011 20 inch Bộ lưu điện MARUSON POW-500AGMV	18.300	-	18.300	-			x				
797	Máy tính để bàn (máy trạm) HP280G3I5_1RX82PA + Màn hình HP LV2011 20 inch Bộ lưu điện MARUSON POW-500AGMV	18.300	-	18.300	-			x				
798	Máy tính để bàn (máy trạm) HP280G3I5_1RX82PA + Màn hình HP LV2011 20 inch Bộ lưu điện MARUSON POW-500AGMV	18.300	-	18.300	-			x				
799	Máy tính xách tay Dell Vostro V3568 XF6C621 Black	21.500	-	21.500	-			x				
800	Máy tính xách tay Dell Vostro V3568 XF6C621 Black	21.500	-	21.500	-			x				
801	Máy tính xách tay Dell Vostro V3568 XF6C621 Black	21.500	-	21.500	-			x				
802	Máy tính xách tay Dell Vostro V3568 XF6C621 Black	21.500	-	21.500	-			x				
803	Máy tính xách tay Dell Vostro V3568 XF6C621 Black	21.500	-	21.500	-			x				
804	Máy tính xách tay Dell Vostro V3568 XF6C621 Black	21.500	-	21.500	-			x				
805	Máy tính xách tay Dell Vostro V3568 XF6C621 Black	21.500	-	21.500	-			x				
806	Máy tính xách tay Dell Vostro V3568 XF6C621 Black	21.500	-	21.500	-			x				
807	Máy tính xách tay Dell Vostro V3568 XF6C621 Black	21.500	-	21.500	-			x				
808	Máy tính xách tay Dell Vostro V3568 XF6C621 Black	21.500	-	21.500	-			x				
809	Máy in A3 HP LaserJet Pro M706N	22.100	-	22.100	-			x				
810	Máy in A3 HP LaserJet Pro M706N	22.100	-	22.100	-			x				
811	Máy in A3 HP LaserJet Pro M706N	22.100	-	22.100	-			x				
812	Máy in A3 HP LaserJet Pro M706N	22.100	-	22.100	-			x				
813	Máy in A3 HP LaserJet Pro M706N	22.100	-	22.100	-			x				
814	Máy in A3 HP LaserJet Pro M706N	22.100	-	22.100	-			x				
815	Máy in A3 HP LaserJet Pro M706N	22.100	-	22.100	-			x				
816	Máy in A3 HP LaserJet Pro M706N	22.100	-	22.100	-			x				
817	Máy in A3 HP LaserJet Pro M706N	22.100	-	22.100	-			x				
818	Máy in A3 HP LaserJet Pro M706N	22.100	-	22.100	-			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
		Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
		Tổng cộng	Trong đó									
			Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
819	Máy in A3 HP LaserJet Pro M706N	22.100	-	22.100	-			x				
820	Máy in A3 HP LaserJet Pro M706N	22.100	-	22.100	-			x				
821	Máy in A3 HP LaserJet Pro M706N	22.100	-	22.100	-			x				
822	Máy in A3 HP LaserJet Pro M706N	22.100	-	22.100	-			x				
823	Máy in A3 HP LaserJet Pro M706N	22.100	-	22.100	-			x				
824	Máy in A3 HP LaserJet Pro M706N	22.100	-	22.100	-			x				
825	Máy in A3 HP LaserJet Pro M706N	22.100	-	22.100	-			x				
826	Máy in A3 HP LaserJet Pro M706N	22.100	-	22.100	-			x				
827	Máy in A3 HP LaserJet Pro M706N	22.100	-	22.100	-			x				
828	Máy in A3 HP LaserJet Pro M706N	22.100	-	22.100	-			x				
829	Máy tính để bàn Dell Vostro	22.300	-	22.300	-			x				
830	Máy tính xách tay Dell	16.600	-	16.600	-			x				
831	Máy tính để bàn Asian Super Intel Core I3 (Samsung-sohoo)	22.300	-	22.300	-			x				
832	Máy tính để bàn Asian Super Intel Core I3 (Samsung-sohoo)	22.300	-	22.300	-			x				
833	Máy tính để bàn Asian Super Intel G4400 (Acer-sohoo)	12.300	-	12.300	-			x				
834	Máy tính để bàn Asian Super Intel G4400 (Acer-sohoo)	12.300	-	12.300	-			x				
835	Máy tính để bàn Asian Super Intel G4400 (Acer-sohoo)	12.900	-	12.900	-			x				
836	Máy tính để bàn Asian Super Intel G4400 (Acer-sohoo)	12.900	-	12.900	-			x				
837	Máy tính để bàn Asian Super Intel G4400 (Acer-sohoo) và lưu điện	14.600	-	14.600	-			x				
838	Máy tính để bàn Asian Super Intel G4400 (Acer-sohoo)	12.300	-	12.300	-			x				
839	Bộ chuyển mạch tín hiệu Switch Cisco	14.800	-	14.800	-			x				
840	Máy tính để bàn Asian Super Intel G4400 (Acer-sohoo)	12.900	-	12.900	-			x				
841	Máy tính để bàn Asian Super Intel G4400 (Acer-sohoo)	12.900	-	12.900	-			x				
842	Máy tính để bàn Asian Super Intel G4400 (Acer-sohoo)	12.900	-	12.900	-			x				
843	Máy tính để bàn Asian Super Intel Core I3 (Samsung-sohoo)	17.700	-	17.700	-			x				
844	Máy tính để bàn Asian Super Intel G4400 (Samsung-sohoo)	14.100	-	14.100	-			x				
845	Máy tính để bàn Asian Super Intel G5400 (Acer - Kenoo)	13.800	-	13.800	-			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
		Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
			Trong đó									
			Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
846	Máy tính để bàn Asian Super Intel G5400 (Acer - Kenoo)	12.900	-	12.900	-			x				
847	Hệ thống camera IP bán cầu hồng ngoại	95.711	-	95.711	-			x				
848	Máy tính để bàn (Khoa RHM)	15.345	-	15.345	19.142			x				
849	Máy tính để bàn (Phòng Điều dưỡng)	13.750	-	13.750	6.138			x				
850	Máy tính để bàn (Khoa XN)	16.280	-	16.280	5.500			x				
851	Máy tính để bàn (Khoa BND)	10.450	-	10.450	6.512			x				
852	Máy tính để bàn (Khoa BND)	10.450	-	10.450	4.180			x				
853	Máy tính để bàn	10.450	-	10.450	4.180			x				
854	Máy tính để bàn	10.450	-	10.450	4.180			x				
855	Máy tính để bàn	10.450	-	10.450	4.180			x				
856	Máy tính để bàn	10.450	-	10.450	4.180			x				
857	Máy tính để bàn	10.450	-	10.450	4.180			x				
858	Máy tính để bàn	10.450	-	10.450	4.180			x				
859	Máy tính xách tay Dell	17.550	-	17.550	4.180			x				
860	Máy tính xách tay Dell	17.550	-	17.550	7.020			x				
861	Máy tính để bàn	14.795	-	14.795	7.020			x				
862	Máy tính để bàn	14.795	-	14.795	5.918			x				
863	Máy tính để bàn	14.795	-	14.795	5.918			x				
864	Máy tính để bàn	14.795	-	14.795	5.918			x				
865	Máy tính để bàn	14.795	-	14.795	5.918			x				
866	Tivi LG Smart 4K UHD 43UP7500PTC 43 inch	11.209	-	11.209	5.918			x				
867	Bộ máy tính để bàn Asean (màn Acer - Kenoo)	10.260	-	10.260	4.484			x				
868	Bộ máy tính để bàn Asean (màn Acer - Kenoo)	10.260	-	10.260	6.156			x				
869	Bộ máy tính để bàn Asean (màn Acer - Kenoo)	10.300	-	10.300	6.156			x				
870	Bộ máy tính để bàn Asean (màn Acer - Kenoo)	10.300	-	10.300	6.180			x				
871	Bộ máy tính để bàn Asean (màn Acer - Kenoo)	10.300	-	10.300	6.180			x				
872	Máy tính để bàn lắp ráp ASEAN (màn Samsung - Kenoo	13.640	-	13.640	6.180			x				
873	Máy tính để bàn lắp ráp ASEAN (màn Samsung - Kenoo	13.640	-	13.640	8.184			x				
874	Máy tính để bàn lắp ráp ASEAN (màn Samsung - Kenoo	13.640	-	13.640	8.184			x				
875	Máy tính để bàn lắp ráp ASEAN (màn Samsung - Kenoo	13.640	-	13.640	8.184			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
		Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
			Trong đó									
			Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
876	Máy tính để bàn lắp ráp ASEAN (màn Samsung - Kenoo	13.640	-	13.640	8.184			x				
877	Máy tính để bàn lắp ráp ASEAN (màn Samsung - Kenoo	13.640	-	13.640	8.184			x				
878	Máy tính để bàn (Samsung-kenoo)	13.640	-	13.640	8.184			x				
879	Máy tính để bàn (Samsung-kenoo)	13.640	-	13.640	8.184			x				
880	Máy tính để bàn (Samsung-kenoo)	13.640	-	13.640	8.184			x				
881	Máy tính để bàn (Samsung-kenoo)	13.640	-	13.640	8.184			x				
882	Máy tính để bàn (Samsung-kenoo)	13.640	-	13.640	8.184			x				
883	Máy tính để bàn (Samsung-kenoo)	13.640	-	13.640	8.184			x				
884	Máy tính xách tay Dell Inspiron 14	31.000	-	31.000	8.184			x				
885	Máy Photocopy đa chức năng trắng đen Fujifilm	66.320	-	66.320	18.600			x				
886	Tivi LG Smart 4K UHD 43UP7500PTC	11.209	-	11.209	39.792			x				
887	Bộ máy Kiosk COMQ	36.200	-	36.200	6.725			x				
888	bộ điều hòa 2 chiều Mitsubishi SRK18HE	23.418	-	23.418	27.150			x				
889	bộ điều hòa 2 chiều Mitsubishi SRK18HE	23.418	-	23.418	-			x				
890	3 bộ điều hòa treo tường Daikin ga R420	16.135	-	16.135	-			x				
891	3 bộ điều hòa treo tường Daikin ga R420	16.135	-	16.135	-			x				
892	3 bộ điều hòa treo tường Daikin ga R420	16.135	-	16.135	-			x				
893	Bàn chậu Inox	23.201	-	23.201	-			x				
894	Bàn ghế làm việc (Quầy thu ngân)	37.851	37.851	-	-			x				
895	Bàn giao ban inox	15.836	15.836	-	-			x				
896	Bàn giao ban inox	15.836	15.836	-	-			x				
897	Bàn giao ban inox	15.836	15.836	-	-			x				
898	Bàn giao ban inox	15.836	15.836	-	-			x				
899	Bàn giao ban inox	15.836	15.836	-	-			x				
900	Bàn giao ban inox	15.836	15.836	-	-			x				
901	Bàn họp giao ban trực tuyến	51.321	-	51.321	-			x				
902	Bàn INOX 2 tầng	15.836	15.836	-	-			x				
903	Bàn INOX 2 tầng	15.836	15.836	-	-			x				
904	Bàn INOX 2 tầng	15.836	15.836	-	-			x				
905	Bàn INOX 2 tầng	15.836	15.836	-	-			x				
906	Bàn INOX 2 tầng	15.836	15.836	-	-			x				
907	Bàn INOX 2 tầng	15.836	15.836	-	-			x				
908	Bàn làm việc	16.830	-	16.830	-			x				
909	Bàn quầy	16.345	16.345	-	-			x				
910	Điều hòa treo tường Daikin ga R32	16.135	-	16.135	-			x				
911	Điều hòa treo tường Fujitsu ga	15.058	-	15.058	-			x				
912	Điều hòa treo tường Panasonic ga 22	15.915	-	15.915	-			x				
913	Đồng hồ đo lưu lượng nước	12.925	12.925	-	-			x				
914	Ghế đa năng nâng hạ thủy lực có lẫy ngả	10.175	-	10.175	-			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
		Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
		Tổng cộng	Trong đó									
			Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
915	Ghế da nâu tay lượn	11.707	-	11.707	-			x				
916	Hệ thống quảng cáo đèn lét đúc chiếu sáng chạy quanh chữ	98.230	98.230	-	-			x				
917	Máy bơm giếng ngầm	15.015	15.015	-	-			x				
918	Máy điều hòa 18000BTU/2 chiều	10.059	10.059	-	-			x				
919	Máy điều hoà âm trần	76.000	76.000	-	-			x				
920	Máy điều hòa nhiệt độ	18.586	-	18.586	-			x				
921	Máy điều hòa nhiệt độ	18.586	-	18.586	-			x				
922	Máy điều hòa nhiệt độ	18.586	-	18.586	-			x				
923	Máy điều hòa nhiệt độ	18.586	-	18.586	-			x				
924	Máy điều hòa nhiệt độ	18.586	-	18.586	-			x				
925	Máy điều hòa nhiệt độ	12.100	12.100	-	-			x				
926	Máy điều hòa nhiệt độ	32.505	-	32.505	-			x				
927	Máy điều hòa nhiệt độ - P.Mỏ	75.450	75.450	-	-			x				
928	Máy điều hòa nhiệt độ cây	24.385	-	24.385	-			x				
929	Máy điều hòa treo tường 2 chiều (công suất 18000BTU) SSH18	11.165	-	11.165	-			x				
930	Máy điều hòa 2 chiều 24000 BTU	27.753	27.753	-	-			x				
931	Máy điều hòa 2 chiều 24000 BTU	27.753	27.753	-	-			x				
932	Máy điều hòa 2 chiều(Công suất 27000BTU)-FH27	21.874	-	21.874	-			x				
933	Máy điều hòa 2 chiều(Công suất 27000BTU)-FH27	21.874	-	21.874	-			x				
934	Máy nhiệt độ âm trần - P.Mỏ	76.000	76.000	-	-			x				
935	Máy ôn áp điện	40.000	40.000	-	-			x				
936	Máy ôn áp điện Lioa	22.050	22.050	-	-			x				
937	Máy ôn áp Robot	16.500	16.500	-	-			x				
938	Máy Photocopy	89.600	-	89.600	-			x				
939	Máy Photocoppy	62.500	62.500	-	-			x				
940	Quầy thu viện phí và hộp kỹ thuật	63.008	-	63.008	-			x				
941	Tủ gỗ 3 buồng	11.000	-	11.000	-			x				
942	Tủ hồ sơ kho lưu trữ	21.928	21.928	-	-			x				
943	Tủ kính nhà thuốc bệnh viện	85.914	-	85.914	-			x				
944	Tủ thuốc Inox (P mỏ)	79.467	79.467	-	-			x				
945	Máy giặt	10.920	-	10.920	-			x				
946	Tủ mát Sanaky	23.350	-	23.350	-			x				
947	Tủ mát Sanaky	23.350	-	23.350	-			x				
948	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
		Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
		Tổng cộng	Trong đó									
			Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
949	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
950	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
951	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
952	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
953	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
954	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
955	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
956	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
957	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
958	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
959	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
960	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
961	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
962	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
963	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
964	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
965	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
966	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
967	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
968	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
969	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
970	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
971	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
972	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
973	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
974	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
975	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
976	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
977	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
978	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
979	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
980	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
981	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
982	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
983	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
984	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
985	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
986	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
987	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
988	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
989	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
990	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
		Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
			Trong đó									
			Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
991	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
992	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
993	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
994	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
995	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
996	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
997	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
998	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
999	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
1000	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
1001	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
1002	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
1003	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
1004	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
1005	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
1006	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
1007	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
1008	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
1009	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
1010	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
1011	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
1012	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
1013	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
1014	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
1015	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
1016	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
1017	Điều hòa (HĐồng 924 ngày 10/7/2017)	16.120	-	16.120	-			x				
1018	Máy ảnh canon (EOS 700D(EF-S 18-55 IS STM)	18.200	-	18.200	-			x				
1019	Thiết bị xử lý chất thải rắn y tế	8.375.000	-	8.375.000	-			x				
1020	Thiết bị xử lý chất thải rắn y tế	8.375.000	-	8.375.000	-			x				
1021	Điều hòa	13.500	-	13.500	-			x				
1022	Điều hòa	13.500	-	13.500	1.688			x				
1023	Máy bơm chìm của hệ thống xử lý nước thải	18.920	-	18.920	1.688			x				
1024	Máy bơm hóa tiễn dùng cho giếng khoan	21.450	-	21.450	4.257			x				
1025	Máy bơm nước	15.600	-	15.600	4.826			x				
1026	Điều hòa treo tường Casper 1 chiều 18.000 BTU	14.079	-	14.079	1.950			x				
1027	Điều hòa treo tường Casper Inverter 2 chiều 12.000BTU	13.029	-	13.029	3.520			x				
1028	Điều hòa treo tường Casper Inverter 2 chiều 12.000BTU	13.029	-	13.029	3.257			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
		Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
			Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1029	Điều hòa treo tường Casper Inverter 2 chiều 12.000BTU	13.029	-	13.029	3.257			x				
1030	Điều hòa treo tường Casper Inverter 2 chiều 12.000BTU	13.029	-	13.029	3.257			x				
1031	Điều hòa treo tường Casper Inverter 2 chiều 12.000BTU	13.029	-	13.029	3.257			x				
1032	Điều hòa treo tường Casper 1 chiều 12.000BTU	10.012	-	10.012	3.257			x				
1033	Điều hòa treo tường Casper 2 chiều 12.000BTU	11.412	-	11.412	2.503			x				
1034	Điều hòa treo tường Casper 12.000 BTU	11.111	-	11.111	2.853			x				
1035	Điều hòa treo tường Casper 12.000 BTU	11.111	-	11.111	2.778			x				
1036	Điều hòa treo tường Casper 12.000 BTU	11.111	-	11.111	2.778			x				
1037	Điều hòa treo tường Casper 12.000 BTU	11.111	-	11.111	2.778			x				
1038	Điều hòa treo tường Casper 12.000 BTU	11.111	-	11.111	2.778			x				
1039	Điều hòa treo tường Casper 12.000 BTU	11.111	-	11.111	2.778			x				
1040	Điều hòa 1 chiều 18000BTU Casper	14.080	-	14.080	2.778			x				
1041	Điều hòa 1 chiều 18000BTU Casper	14.080	-	14.080	5.280			x				
1042	Điều hòa 2 chiều 12000BTU Casper	11.220	-	11.220	5.280			x				
1043	Điều hòa 2 chiều 12000BTU Casper	11.220	-	11.220	4.208			x				
1044	Điều hòa 2 chiều 12000BTU Casper	11.220	-	11.220	4.208			x				
1045	Điều hòa 1 chiều 18000BTU Casper	14.080	-	14.080	4.208			x				
1046	Điều hòa 1 chiều 18000BTU Casper	14.080	-	14.080	5.280			x				
1047	Điều hòa Casper 1 chiều 18.000BTU	13.220	-	13.220	5.280			x				
1048	Điều hòa Gree 2 chiều 24000BTU	19.500	-	19.500	6.610			x				
1049	Điều hòa Gree 2 chiều 24000BTU	19.500	-	19.500	9.750			x				
1050	Điều hòa Casper 1 chiều 18.000BTU	13.150	-	13.150	9.750			x				
1051	Điều hòa Gree 2 chiều 12000BTU	12.700	-	12.700	6.575			x				
1052	Điều hòa Gree 2 chiều 12000BTU	12.700	-	12.700	6.350			x				
1053	Đồng hồ đo lưu lượng nước	24.035	-	24.035	6.350			x				
1054	Đồng hồ đo lưu lượng nước	24.035	-	24.035	6.009			x				
1055	Bộ Barie có mô tơ điều khiển	25.000	-	25.000	6.009			x				
1056	Máy bơm hòa tiến dùng cho giếng khoan	23.100	-	23.100	6.250			x				
1057	Điều hòa treo tường một chiều 12000 BTU	11.936	-	11.936	11.550			x				
1058	Điều hòa treo tường một chiều 12000 BTU	11.936	-	11.936	7.460			x				
1059	Điều hòa treo tường một chiều 12000 BTU	11.936	-	11.936	7.460			x				
1060	Điều hòa treo tường một chiều 12000 BTU	11.936	-	11.936	7.460			x				
1061	Điều hòa treo tường một chiều 12000 BTU	11.936	-	11.936	7.460			x				
1062	Điều hòa treo tường một chiều 12000 BTU	11.936	-	11.936	7.460			x				
1063	Điều hòa treo tường một chiều 12000 BTU	11.936	-	11.936	7.460			x				
1064	Điều hòa treo tường một chiều 12000 BTU	11.936	-	11.936	7.460			x				
1065	Điều hòa treo tường một chiều 12000 BTU	11.936	-	11.936	7.460			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
		Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
		Tổng cộng	Trong đó									
			Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1066	Điều hòa treo tường một chiều 12000 BTU	11.936	-	11.936	7.460			x				
1067	Điều hòa treo tường một chiều 12000 BTU	11.936	-	11.936	7.460			x				
1068	Điều hòa treo tường một chiều 12000 BTU	11.936	-	11.936	7.460			x				
1069	Điều hòa treo tường một chiều 18000 BTU	16.961	-	16.961	7.460			x				
1070	Điều hòa treo tường một chiều 18000 BTU	16.961	-	16.961	10.601			x				
1071	Điều hòa treo tường một chiều 18000 BTU	16.961	-	16.961	10.601			x				
1072	Điều hòa treo tường một chiều 18000 BTU	16.961	-	16.961	10.601			x				
1073	Điều hòa treo tường một chiều 18000 BTU	16.961	-	16.961	10.601			x				
1074	Điều hòa treo tường một chiều 18000 BTU	16.961	-	16.961	10.601			x				
1075	Điều hòa treo tường một chiều 18000 BTU	16.961	-	16.961	10.601			x				
1076	Điều hòa treo tường một chiều 18000 BTU	16.961	-	16.961	10.601			x				
1077	Điều hòa treo tường một chiều 18000 BTU	16.961	-	16.961	10.601			x				
1078	Điều hòa treo tường một chiều 18000 BTU	16.961	-	16.961	10.601			x				
1079	Điều hòa treo tường một chiều 24000 BTU	22.201	-	22.201	10.601			x				
1080	Điều hòa treo tường một chiều 24000 BTU	22.201	-	22.201	13.876			x				
1081	Điều hòa treo tường một chiều 24000 BTU	22.201	-	22.201	13.876			x				
1082	Điều hòa treo tường một chiều 24000 BTU	22.201	-	22.201	13.876			x				
1083	Điều hòa treo tường hai chiều 12000 BTU	10.109	-	10.109	13.876			x				
1084	Điều hòa treo tường hai chiều 12000 BTU	10.109	-	10.109	6.318			x				
1085	Điều hòa treo tường hai chiều 12000 BTU	10.109	-	10.109	6.318			x				
1086	Điều hòa treo tường hai chiều 12000 BTU	10.109	-	10.109	6.318			x				
1087	Điều hòa treo tường hai chiều 12000 BTU	10.109	-	10.109	6.318			x				
1088	Điều hòa treo tường hai chiều 12000 BTU	10.109	-	10.109	6.318			x				
1089	Điều hòa treo tường hai chiều 12000 BTU	10.109	-	10.109	6.318			x				
1090	Điều hòa treo tường hai chiều 12000 BTU	10.109	-	10.109	6.318			x				
1091	Điều hòa âm trần cassette, 4 hướng thổi 1 chiều non Inverter 24000 BTU	31.310	-	31.310	6.318			x				
1092	Điều hòa âm trần cassette, 4 hướng thổi 1 chiều non Inverter 24000 BTU	31.310	-	31.310	19.569			x				
1093	Điều hòa âm trần cassette, 4 hướng thổi 1 chiều non Inverter 24000 BTU	31.310	-	31.310	19.569			x				
1094	Điều hòa âm trần cassette, 4 hướng thổi 1 chiều non Inverter 24000 BTU	31.310	-	31.310	19.569			x				
1095	Điều hòa âm trần cassette, 4 hướng thổi 1 chiều non Inverter 48000 BTU	49.780	-	49.780	19.569			x				
1096	Điều hòa âm trần cassette, 4 hướng thổi 1 chiều non Inverter 48000 BTU	49.780	-	49.780	31.113			x				
1097	Điều hòa âm trần cassette, 4 hướng thổi 1 chiều non Inverter 48000 BTU	49.780	-	49.780	31.113			x				
1098	Điều hòa âm trần cassette, 4 hướng thổi 1 chiều non Inverter 48000 BTU	49.780	-	49.780	31.113			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
		Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
			Trong đó									
			Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1099	Điều hòa treo tường Gree 12000BTU 2 chiều	13.942	-	13.942	31.113			x				
1100	Điều hòa treo tường Gree 12000BTU 2 chiều	13.880	-	13.880	8.714			x				
1101	Điều hòa treo tường Gree 12000BTU 1 chiều	10.020	-	10.020	8.675			x				
1102	Điều hòa treo tường Gree 24000BTU 1 chiều	20.840	-	20.840	6.263			x				
1103	Điều hòa treo tường Gree 12000BTU 1 chiều	13.205	-	13.205	13.025			x				
1104	Điều hòa treo tường Gree 12000BTU 1 chiều	13.205	-	13.205	8.253			x				
1105	Điều hòa treo tường Gree 18000BTU 1 chiều	15.600	-	15.600	8.253			x				
1106	Điều hòa treo tường Gree 24000BTU	21.891	-	21.891	9.750			x				
1107	Điều hòa treo tường Gree 24000BTU	21.891	-	21.891	16.418			x				
1108	Điều hòa treo tường Gree 24000BTU 1 chiều	23.924	-	23.924	16.418			x				
1109	Điều hòa treo tường Gree 18000BTU 1 chiều	16.432	-	16.432	17.943			x				
1110	Điều hòa treo tường 1 chiều 18000BTU	13.220	-	13.220	12.324			x				
1111	Điều hòa treo tường 18000BTU 1 chiều	16.294	-	16.294	9.915			x				
1112	Điều hòa treo tường 18000BTU 1 chiều	16.504	-	16.504	12.221			x				
1113	Điều hòa treo tường 12000BTU 1 chiều	12.250	-	12.250	12.378			x				
1114	Điều hòa treo tường 12000BTU 1 chiều	11.885	-	11.885	9.187			x				
1115	Bộ máy tính để bàn lắp ráp ASEAN	13.640	-	13.640	8.914			x				
1116	Bộ máy tính để bàn lắp ráp ASEAN	13.640	-	13.640	10.912			x				
1117	Bộ máy tính để bàn lắp ráp	13.750	-	13.750	10.912			x				
1118	Bộ máy tính để bàn lắp ráp	13.750	-	13.750	11.000			x				
1119	Bộ máy tính để bàn lắp ráp ASEAN	13.800	-	13.800	11.000			x				
1120	Bộ máy tính để bàn lắp ráp ASEAN	13.800	-	13.800	11.040			x				
1121	Bộ máy tính để bàn lắp ráp	13.750	-	13.750	11.040			x				
1122	Bộ máy tính để bàn lắp ráp	13.750	-	13.750	11.000			x				
1123	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	11.000			x				
1124	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	9.732			x				
1125	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	9.732			x				
1126	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	9.732			x				
1127	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	9.732			x				
1128	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	9.732			x				
1129	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	9.732			x				
1130	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	9.732			x				
1131	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	9.732			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
		Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
		Tổng cộng	Trong đó									
			Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1132	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	9.732			x				
1133	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	9.732			x				
1134	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	9.732			x				
1135	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	9.732			x				
1136	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	9.732			x				
1137	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	9.732			x				
1138	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	9.732			x				
1139	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	9.732			x				
1140	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	9.732			x				
1141	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	9.732			x				
1142	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	9.732			x				
1143	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	9.732			x				
1144	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	9.732			x				
1145	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	9.732			x				
1146	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	9.732			x				
1147	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	9.732			x				
1148	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	9.732			x				
1149	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	9.732			x				
1150	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	9.732			x				
1151	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	9.732			x				
1152	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	9.732			x				
1153	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	9.732			x				
1154	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	9.732			x				
1155	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	9.732			x				
1156	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	9.732			x				
1157	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	9.732			x				
1158	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	9.732			x				
1159	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	9.732			x				
1160	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	9.732			x				
1161	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	9.732			x				
1162	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	9.732			x				
1163	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	9.732			x				
1164	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	9.732			x				
1165	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	9.732			x				
1166	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	9.732			x				
1167	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	9.732			x				
1168	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	9.732			x				
1169	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	9.732			x				
1170	Máy tính để bàn	12.165	-	12.165	9.732			x				
1171	Máy tính xách tay	14.980	-	14.980	9.732			x				
1172	Máy tính xách tay	14.980	-	14.980	11.984			x				
1173	Máy tính xách tay	14.980	-	14.980	11.984			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
		Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
		Tổng cộng	Trong đó									
			Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1174	Máy tính xách tay	14.980	-	14.980	11.984			x				
1175	Máy tính xách tay	14.980	-	14.980	11.984			x				
1176	Máy tính xách tay	14.980	-	14.980	11.984			x				
1177	Máy tính xách tay	14.980	-	14.980	11.984			x				
1178	Máy tính xách tay	14.980	-	14.980	11.984			x				
1179	Máy tính xách tay	14.980	-	14.980	11.984			x				
1180	Máy tính xách tay	14.980	-	14.980	11.984			x				
1181	Máy tính xách tay	14.980	-	14.980	11.984			x				
1182	Máy tính xách tay	14.980	-	14.980	11.984			x				
1183	Máy tính xách tay	14.980	-	14.980	11.984			x				
1184	Máy tính xách tay	14.980	-	14.980	11.984			x				
1185	Máy tính xách tay	14.980	-	14.980	11.984			x				
1186	Máy tính xách tay	14.980	-	14.980	11.984			x				
1187	Máy tính xách tay	14.980	-	14.980	11.984			x				
1188	Máy tính xách tay	14.980	-	14.980	11.984			x				
1189	Máy tính xách tay	14.980	-	14.980	11.984			x				
1190	Máy tính xách tay	14.980	-	14.980	11.984			x				
1191	Máy tính xách tay	14.980	-	14.980	11.984			x				
1192	Máy tính xách tay	14.980	-	14.980	11.984			x				
1193	Máy tính xách tay	14.980	-	14.980	11.984			x				
1194	Máy tính xách tay	14.980	-	14.980	11.984			x				
1195	Máy tính xách tay	14.980	-	14.980	11.984			x				
1196	Máy tính xách tay	14.980	-	14.980	11.984			x				
1197	Điều hòa treo tường 1 chiều 12000BTU	12.007	-	12.007	11.984			x				
1198	Điều hòa treo tường 1 chiều 12000BTU	11.624	-	11.624	10.506			x				
1199	Điều hòa treo tường 1 chiều 18000BTU	15.504	-	15.504	10.171			x				
1200	Điều hòa treo tường 2 chiều 12000BTU	13.569	-	13.569	13.566			x				
1201	Điều hòa treo tường 2 chiều 12000BTU	14.414	-	14.414	11.873			x				
1202	Điều hòa treo tường 1 chiều 12000BTU	12.318	-	12.318	12.612			x				
1203	Điều hòa treo tường 1 chiều 12000BTU	11.103	-	11.103	10.778			x				
1204	Điều hòa treo tường 1 chiều 18000BTU	17.676	-	17.676	9.715			x				
1205	Điều hòa treo tường 1 chiều 18000BTU	16.716	-	16.716	15.467			x				
1206	Điều hòa treo tường 1 chiều 18000BTU	16.716	-	16.716	14.626			x				
1207	Điều hòa treo tường 1 chiều 18000BTU	15.668	-	15.668	14.626			x				
1208	Điều hòa treo tường 1 chiều 18000BTU	18.464	-	18.464	13.709			x				
1209	Điều hòa treo tường 1 chiều 18000BTU	16.695	-	16.695	16.156			x				
1210	Điều hòa treo tường 1 chiều 12000BTU	10.709	-	10.709	14.608			x				
1211	Điều hòa treo tường 1 chiều 12000BTU	11.873	-	11.873	9.371			x				
1212	Điều hòa treo tường 1 chiều 12000BTU	10.938	-	10.938	10.389			x				
1213	Điều hòa treo tường 1 chiều 18000BTU	16.090	-	16.090	9.571			x				
1214	Quầy tiếp đón bệnh nhân khoa Khám bệnh	85.007	-	85.007	14.079			x				
1215	Máy tính chủ Dell	97.900	-	97.900	74.381			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)						Mục đích sử dụng					
		Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
		Tổng cộng	Trong đó										
			Nguồn ngân sách	Nguồn khác									
1216	Màn hình LED hội trường B	89.040	-	89.040	32.800			x					
1217	Màn hình LED khu C	96.572	-	96.572	71.232			x					
1218	Điều hòa treo tường 1 chiều 18000BTU	16.417	-	16.417	77.257			x					
1219	Hệ thống nước nóng dùng năng lượng mặt trời	98.356	-	98.356	86.061			x					

Cẩm Phá, ngày 19 tháng 03 năm 2025 



Nguyễn Đức Thanh